



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



Ngọn lửa của niềm tin
VỮNG BỀN TRONG ĐA DẠNG

TẦM NHÌN



PVI nỗ lực phấn đấu trở thành Tập đoàn Bảo hiểm - Tài chính có thương hiệu quốc tế với phương châm: Phát triển nhanh, bền vững dựa trên nền tảng tri thức, sức mạnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, kết hợp hài hòa lợi ích của các cổ đông, khách hàng và người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Mã chứng khoán : PVI, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội HNX



MỤC LỤC

04 Thư của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải

05 Thư của Chủ tịch HĐQT PVN

06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

08 Thư ngỏ của Tổng Giám đốc

KIẾN ĐỊNH MỤC TIÊU - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

10 Lịch sử hình thành và phát triển

12 Mô hình hoạt động

13 Sơ đồ tổ chức - Lĩnh vực hoạt động

14 Hội đồng Quản trị

16 Ban Tổng Giám đốc

18 Ban Kiểm soát

20 Hệ thống Quản trị & Nguồn nhân lực

22 Thông tin Cổ đông & Quan hệ Nhà Đầu tư

24 Các công ty liên kết & Công ty con

LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN - BƯỚC TIẾN TOÀN CẦU

28 Quản trị doanh nghiệp

30 Quản lý rủi ro

CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ - VỊ THẾ HÀNG ĐẦU

32 Sự kiện & Danh hiệu

34 Chỉ số tài chính kinh doanh nổi bật năm 2012

36 Định hướng phát triển cho tương lai

38 Hoạt động xã hội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

42 Báo cáo tài chính của công ty mẹ

72 Báo cáo tài chính hợp nhất

THƯ CHÚC MỪNG CỦA ÔNG HOÀNG TRUNG HẢI

ỦY VIÊN BCH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG,
PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ



HOÀNG TRUNG HẢI
PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2013

Số: 104/LĐCP

Thân gửi: Cán bộ, nhân viên Công ty Cổ phần PVI

Tôi được biết, năm 2012, Công ty Cổ phần PVI (PVI) lần đầu tiên vượt mốc doanh thu 6.000 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, các chỉ tiêu kinh doanh đều tăng trưởng trên 10% so với năm 2011. Bên cạnh đó, PVI cũng đã thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài. Trong bối cảnh ngành tài chính - bảo hiểm gặp nhiều khó khăn, đây là những cố gắng, nỗ lực rất đáng biểu dương. Qua đó cũng thể hiện sự tin tưởng của nhà đầu tư nước ngoài đối với PVI nói riêng, ngành tài chính - bảo hiểm Việt Nam nói chung.

Nhân đây, tôi chúc mừng sự ra đời của Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm nhân thọ PVI Sun Life, kết quả của sự hợp tác giữa PVI và Sun Life Financial, Canada.

Chúc PVI tiếp tục nỗ lực và có thêm những thành công mới trong thời gian tới, luôn xứng đáng với danh hiệu Anh hùng Lao động được Đảng, nhà nước phong tặng, xứng đáng là nhà bảo hiểm công nghiệp hàng đầu Việt Nam./.

Thân mến,

Hoàng Trung Hải



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM

Số 18 đường Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: (84-4) 3825 2526 * Fax: (84-4) 3826 5942

Website: www.petrovietnam.com.vn

THƯ CHÚC MỪNG

Kính gửi: Tập thể Lãnh đạo, Cán bộ, Đảng viên và Nhân viên
Công ty Cổ phần PVI

Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam rất vui mừng với những kết quả mà tập thể Lãnh đạo, Cán bộ, Đảng viên và Nhân viên Công ty Cổ phần PVI (PVI) đã đạt được trong năm 2012; PVI đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, trong đó: doanh thu vượt kế hoạch, lợi nhuận trước thuế vượt 7% kế hoạch, nộp NSNN vượt 9% kế hoạch, tất cả các chỉ tiêu kinh doanh đều tăng trưởng trên 11% so với năm 2011.

Đảng ủy và Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ghi nhận, nhiệt liệt chúc mừng và biểu dương những thành tích mà tập thể Lãnh đạo, Cán bộ, Đảng viên và Nhân viên PVI đã đạt được trong năm 2012.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2013 với dự báo còn nhiều khó khăn ở phía trước, song chúng ta tin tưởng rằng, từ những kinh nghiệm đã được tích lũy và phát huy những kết quả đạt được thời gian qua, với sự chủ động, sáng tạo trong quản lý, điều hành sản xuất - kinh doanh, sự đoàn kết nhất trí và sự nỗ lực, cố gắng không mệt mỏi để vượt qua mọi khó khăn thách thức của tập thể Anh hùng PVI, cùng sự hỗ trợ tối đa về mọi mặt của Tập đoàn, tập thể Lãnh đạo, Cán bộ, Đảng viên và Nhân viên PVI nhất định sẽ thực hiện hoàn thành vượt mức cao và sẽ “Về đích trước” tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2013.

Nhân dịp năm mới - Xuân Quý Tỵ năm 2013 và Tết cổ truyền dân tộc sắp tới, thay mặt Đảng ủy và Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, tôi xin gửi đến Tập thể Lãnh đạo, Cán bộ, Đảng viên và Nhân viên PVI những tình cảm chân thành và nồng nhiệt nhất, chúc các đồng chí và gia đình năm mới mạnh khỏe, hạnh phúc với nhiều cơ hội mới. Chúc PVI gặt hái được nhiều thành công với hiệu quả kinh tế - xã hội cao trong năm 2013 để tạo đà cho những năm tiếp theo./.

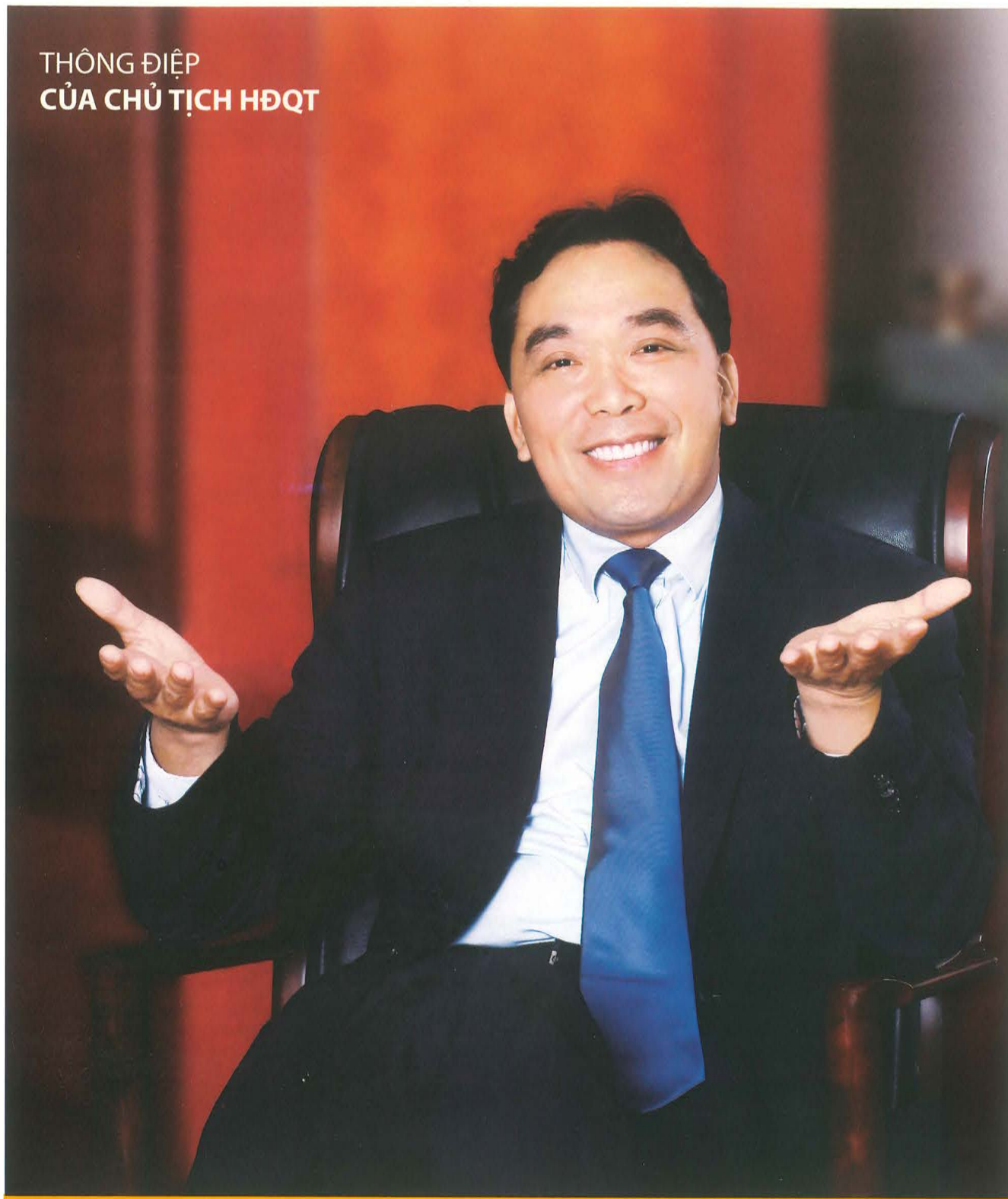
Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

TM ĐẢNG ỦY & HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
BÍ THƯ - CHỦ TỊCH



Phùng Đình Thực

THÔNG điệp
CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



"PVI đã và đang có những bước chuẩn bị chủ động, tích cực để tiếp nối những thành công".

Thưa các Quý vị !

Chúng ta vừa chia tay một năm 2012 đầy khó khăn và biến động của kinh tế thế giới và Việt Nam: Khủng hoảng nợ công ở Châu Âu, tăng trưởng ỉ ạch ở Mỹ, lạm phát cao tại Trung Quốc. Việt Nam tuy vẫn duy trì được đà tăng trưởng, dù chỉ ở mức thấp, nhưng đã bộc lộ những điểm yếu nghiêm trọng mang tính hệ thống do chính sách chưa phù hợp. Năm qua có thể xem như là năm khó khăn nhất của Việt Nam kể từ thời kỳ đổi mới, gây ảnh hưởng trực tiếp và tiêu cực đến cộng đồng doanh nghiệp với hơn 50.000 doanh nghiệp phải giải thể, phá sản. Năm 2012, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường đạt 40.858 tỷ đồng, chỉ tăng 11,7% so với năm 2011 (không đạt kế hoạch 17% do Bộ Tài chính để ra); trong đó, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 22.900 tỷ đồng, tăng 11,5%.

Trong bối cảnh chung hết sức khó khăn đó, PVI vui mừng và tự hào đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và kế hoạch được ĐHQĐ năm 2012 thông qua. Trong khi nhiều doanh nghiệp Việt Nam đặc biệt khó khăn trong vấn đề tiếp cận vốn, năm 2012 PVI tiếp tục tăng vốn thành công lên 2.342 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược nước ngoài, qua đó nâng vốn chủ sở hữu của PVI lên trên 6.000 tỷ đồng, tổng tài sản trên 11.000 tỷ đồng. Hiện tại, các nhà đầu tư nước ngoài đã nắm giữ mức cổ phần tối đa của PVI theo luật định là 49%, trong đó cổ đông chiến lược Talanx Group nắm 31,82% và Quỹ đầu tư OIF nắm 11,58%; phần vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam giảm xuống còn 35,5%.

Trong kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, với tốc độ tăng trưởng luôn cao hơn trung bình thị trường, Bảo hiểm PVI tiếp tục cạnh tranh mạnh mẽ cho ngôi vị số một với thị phần xấp xỉ 20,8% và là một trong số ít doanh nghiệp có lãi từ nghiệp vụ bảo hiểm. Trong lĩnh vực tái bảo hiểm, PVI Re dù mới thành lập được hơn 1 năm, nhưng đã đạt doanh thu hơn 1.200 tỷ đồng, lợi nhuận xấp xỉ 31 tỷ đồng, khẳng định tính đúng đắn của tư duy chiến lược khác biệt. Ngày 21/01/2013, PVI đã chính thức nhận giấy phép kinh doanh bảo hiểm nhân thọ; qua đó trở thành doanh nghiệp đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam hoạt động kinh doanh trên toàn bộ các phân khúc của lĩnh vực bảo hiểm.

Bước sang năm 2013, quá trình tái cơ cấu nền kinh tế trong nước gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng đã có những kết quả bước đầu - lạm phát được kiểm chế ở mức thấp, tỷ giá ổn định, niềm tin vào chính sách của Chính phủ được gia tăng. Tuy nhiên, các khó khăn vẫn đang hiện hữu ở phía trước. Trên bình diện quốc tế, kinh tế thế giới phục hồi chậm, khủng hoảng tài chính chưa có dấu hiệu chấm dứt, thị trường hàng hóa diễn biến khó lường. Trong nước, thất thoát trong đầu tư công, nợ xấu ngân hàng, tồn kho bất động sản vẫn tiếp tục là những thách thức lớn nhất cho nền kinh tế. Đầu tư, sức mua giảm sút sẽ tác động tiêu cực đến nguồn thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Luôn sẵn sàng đối diện với những thử thách mới, PVI đã và đang có những bước chuẩn bị chủ động, tích cực

để tiếp nối những thành công. Năm 2013 sẽ là năm đầu tiên PVI triển khai hoạt động trong một mô hình tái cấu trúc hoàn chỉnh: Công ty mẹ PVI Holdings (đầu tư, quản lý vốn và thương hiệu) và 4 công ty con: PVI Insurance (bảo hiểm phi nhân thọ), PVI Re (tái bảo hiểm), PVI Sun Life (bảo hiểm nhân thọ) và PVI A.M (quản lý tài sản). Khi vận hành hệ thống này, PVI sẽ phát huy tối đa thế mạnh của một tập đoàn Bảo hiểm - Tài chính hoạt động bài bản. Dòng tiền ổn định từ các công ty con trong lĩnh vực bảo hiểm sẽ được quản lý và sử dụng một cách hiệu quả bởi một tổ chức tài chính chuyên nghiệp; qua đó, mọi tài sản của khách hàng sẽ được đảm bảo một cách an toàn nhất, cũng như sẽ tạo ra hiệu quả cao nhất cho từng đồng vốn của các cổ đông.

Là năm bản lề trong giai đoạn tái cấu trúc này, năm 2013 PVI sẽ tập trung giải quyết một số nội dung lớn sau:

1. Hoàn thiện chiến lược phát triển tổng thể, thống nhất, với tầm nhìn dài hạn cho toàn bộ hệ thống PVI, trước mắt ưu tiên xây dựng Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Chiến lược công nghệ thông tin, Chiến lược phát triển thị trường và Chiến lược phát triển thương hiệu của toàn hệ thống.
2. Tiếp tục chuẩn hóa việc quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo hoạt động của PVI minh bạch, an toàn, hiệu quả, giữ vững xếp hạng quốc tế của A.M Best.
3. Duy trì tốc độ tăng trưởng, giữ vững thị trường truyền thống, phát triển thị trường mới (cả trong và ngoài nước), từng bước nâng tầm thương hiệu PVI.
4. Định hướng phát triển khác biệt, đặc biệt là xác định phân khúc thị trường và sản phẩm lõi cho PVI Sun Life và PVI A.M, tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty này hoạt động ổn định và tạo đà cho các năm tới.
5. Tiến hành cổ phần hóa PVI Re và xem xét khả năng tăng vốn cho PVI Holdings phù hợp với chiến lược phát triển tổng thể của PVI.

Thay mặt HĐQT, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông và các đối tác, khách hàng, đặc biệt là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, đối tác chiến lược Talanx Group, Quỹ đầu tư OIF và Tập đoàn Sun Life Financial, cùng tập thể cán bộ nhân viên đại gia đình PVI đã luôn ủng hộ, đồng hành và gắn bó với PVI. Với niềm tin và khát vọng khẳng định tên tuổi Việt Nam trong tiến trình hội nhập thế giới, chúng ta quyết tâm nỗ lực phấn đấu đưa PVI trở thành một Tập đoàn Bảo hiểm - Tài chính có thương hiệu quốc tế uy tín.

Trân trọng!



Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch HĐQT PVI

THƯ NGỎ
CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



“Trong năm 2013, PVI sẽ tập trung tiếp tục duy trì phát triển bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh và an toàn hệ thống”.

Thư các Quý vị!

Khủng hoảng kinh tế trên phạm vi toàn cầu khiến cho 2012 trở thành một năm đặc biệt khó khăn đối với Việt Nam, ảnh hưởng sâu sắc đến các doanh nghiệp trong nước với kết quả là hàng chục nghìn doanh nghiệp phải phá sản, hàng trăm nghìn người bị mất việc làm. Trong hoàn cảnh đó, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường chỉ đạt 40.858 tỷ đồng, tăng 11,7% so với năm 2011, thấp hơn nhiều so với trung bình giai đoạn 2005 - 2009 (16,99%) và 2010 - 2011 (18%), ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm. Mặt khác, tính đến cuối năm 2012, tăng trưởng tín dụng toàn thị trường chỉ đạt khoảng 8,9% (thấp nhất kể từ năm 2001), trong khi nợ xấu khoảng 8,6% (cao nhất từ trước tới nay). Trong năm, mặt bằng lãi suất huy động đồng Việt Nam giảm 3 - 6%/năm, lãi suất cho vay giảm 5 - 9%/năm, ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính.

Dù môi trường kinh doanh không thuận lợi, Công ty Cổ phần PVI (PVI) vẫn xuất sắc hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao phó với doanh thu hợp nhất hơn 6.245 tỷ đồng (đạt 100,03% kế hoạch năm, tăng trưởng 10% so với năm 2011), lợi nhuận sau thuế 389 tỷ đồng (đạt 101% kế hoạch năm, tăng trưởng 12%). Đóng góp vào thành tích chung của PVI, hai công ty con là Tổng công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance) và Công ty Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) đã hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh trong mô hình tổ chức mới công ty mẹ - công ty con. Là đơn vị duy nhất trong số 5 doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, Bảo hiểm PVI không những giữ vững được thị phần trong lĩnh vực dầu khí, mà còn tận dụng tốt cơ hội thị trường để cung cấp các dịch vụ bảo hiểm lớn vào lĩnh vực hàng không, bưu chính viễn thông, điện lực, giao thông vận tải... Ngay trong năm đầu tiên đi vào hoạt động, PVI Re đã khẳng định được tiềm năng và tên tuổi của mình trên thị trường tái bảo hiểm Việt Nam và quốc tế với doanh thu hơn 1.200 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2012, PVI tiếp tục tăng vốn thành công lên 2.342 tỷ đồng, chi trả cổ tức 15% cho các cổ đông và giữ vững xếp hạng tín nhiệm quốc tế cho Bảo hiểm PVI và PVI Re.

Dự báo năm 2013, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ đạt trên 5,7%, lạm phát trên 8%, tăng trưởng doanh thu bảo hiểm khoảng 10%, lãi suất tiết kiệm trung bình 8%/năm. Bên cạnh các khó khăn chung của nền kinh tế, PVI phải đối diện với những thách thức mới khi chính thức triển khai kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và cung cấp dịch vụ quản lý tài sản/đầu tư tài chính. Tuy nhiên, với sự ra đời Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life) và dự kiến ra đời Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản PVI (PVI A.M), PVI sẽ hoàn thành việc xây dựng một định chế Bảo hiểm - Tài chính theo chuẩn mực quốc tế và sẵn sàng cho một sự tăng trưởng mới.

Trong năm 2013, PVI sẽ tập trung tiếp tục duy trì phát triển bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng

lực cạnh tranh và an toàn hệ thống với một số giải pháp cụ thể như sau:

- Tăng cường hiệu năng quản trị doanh nghiệp thông qua chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ và quản trị rủi ro; xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, thông suốt trong toàn hệ thống PVI; tuyển dụng và đào tạo nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển.

- Tăng tính minh bạch và hấp dẫn của sản phẩm (bảo hiểm, tài chính) bằng việc chuẩn hóa các sản phẩm lõi; thiết kế, điều chỉnh sản phẩm "may đo" theo yêu cầu của từng khách hàng trên cơ sở cân bằng khả năng chịu rủi ro của khách hàng và PVI; cải tiến phương thức và hệ thống bán hàng.

- Xây dựng mối quan hệ khăng khít với khách hàng và đối tác, bảo đảm an toàn cao nhất cho tài sản khách hàng; nâng cao chất lượng tư vấn và dịch vụ sau bán hàng; tham gia kết nối vào chuỗi dịch vụ toàn cầu với các đối tác chiến lược.

- Nâng cao giá trị thương hiệu PVI thông qua việc giữ vững xếp hạng tín nhiệm quốc tế B+ (Tốt) của A.M Best cho các công ty bảo hiểm; nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng.

Kinh tế thế giới và Việt Nam đang đứng trước những biến động khó lường, PVI phải đối diện với nhiều thách thức trong lĩnh vực kinh doanh mới và cơ cấu tổ chức mới, nhưng với tầm nhìn và tư duy khác biệt của Ban Lãnh đạo, tri thức và khát vọng cống hiến của cán bộ nhân viên, niềm tin và sự ủng hộ của các khách hàng và đối tác, tôi tin tưởng chắc chắn rằng, con thuyền PVI sẽ vững vàng trên biển lớn, đưa tên tuổi PVI thành một điểm sáng trên thị trường Bảo hiểm - Tài chính toàn cầu.

Cuối cùng, thay mặt Ban Lãnh đạo PVI, tôi xin gửi những lời chúc tốt đẹp nhất và lời cảm ơn chân thành tới Quý khách hàng, các đối tác trong và ngoài nước, tập thể cán bộ nhân viên PVI cùng các cổ đông và nhà đầu tư vì sự tin tưởng, hợp tác và gắn bó với chúng tôi trong suốt chặng đường phát triển của PVI.

Trân trọng!



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc PVI

Lịch sử HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



► NĂM 1996

Ngày 23/01/1996, **Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập**, với vai trò là công ty bảo hiểm nội bộ ngành Dầu khí, quản lý mọi rủi ro và tài sản của ngành ở trong nước và quốc tế.



► NĂM 2005

Ngày 05/7/2005 - PVI được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba



► NĂM 2006

Năm 2006, theo xu hướng của nền kinh tế thị trường, PVI tiến hành cổ phần hóa với một loạt những thay đổi về cơ cấu quản trị và chiến lược kinh doanh và được đổi tên thành **Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam**. Và có thể nói, con đường thành công của PVI đã thực sự rộng mở từ đây.

Ngày 30/12/2006 - **PVI lần đầu chào bán cổ phần ra công chúng**, lập kỷ lục phiên chào bán có số lượng đăng ký nhiều nhất.



► NĂM 2009

Ngày 19/6/2009 - PVI được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì



► NĂM 2010

Ngày 21/9/2010 - PVI được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhất



Năm 2010, **PVI trở thành doanh nghiệp bảo hiểm đầu tiên nhận được đánh giá xếp hạng năng lực tài chính B+ (Tốt)** của tổ chức xếp hạng danh tiếng **A.M. BEST**.



Với việc trở thành **đối tác chiến lược** của **Quỹ Đầu tư Oman (OIF)** trong năm 2010 và hàng loạt các dự án tham vọng, PVI khẳng định vị thế số 1 của mình trên thị trường bảo hiểm Việt Nam, hoàn toàn thuyết phục Tạp chí World Finance (Anh) trao giải thưởng "**Nhà Bảo hiểm tiêu biểu của năm 2010**" cho mình.



NĂM 2011

Ngày 27/5/2011 - PVI được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động



Cùng với những nền tảng kế thừa, **PVI tái cấu trúc** hoạt động theo mô hình công ty mẹ (Công ty Cổ phần PVI) - công ty con với 02 công ty con trực thuộc hoạt động trên cả lĩnh vực bảo hiểm (Tổng Công ty Bảo hiểm PVI) và tái bảo hiểm (Công ty Tái Bảo hiểm PVI). Với thể "chân kiềng" vững chắc, lại nhận thêm sự hỗ trợ từ **đối tác chiến lược mới - Tập đoàn Talanx của Đức**, PVI ngày càng củng cố được vị thế của mình tại Việt Nam và đang dần khẳng định thương hiệu trên thị trường quốc tế.



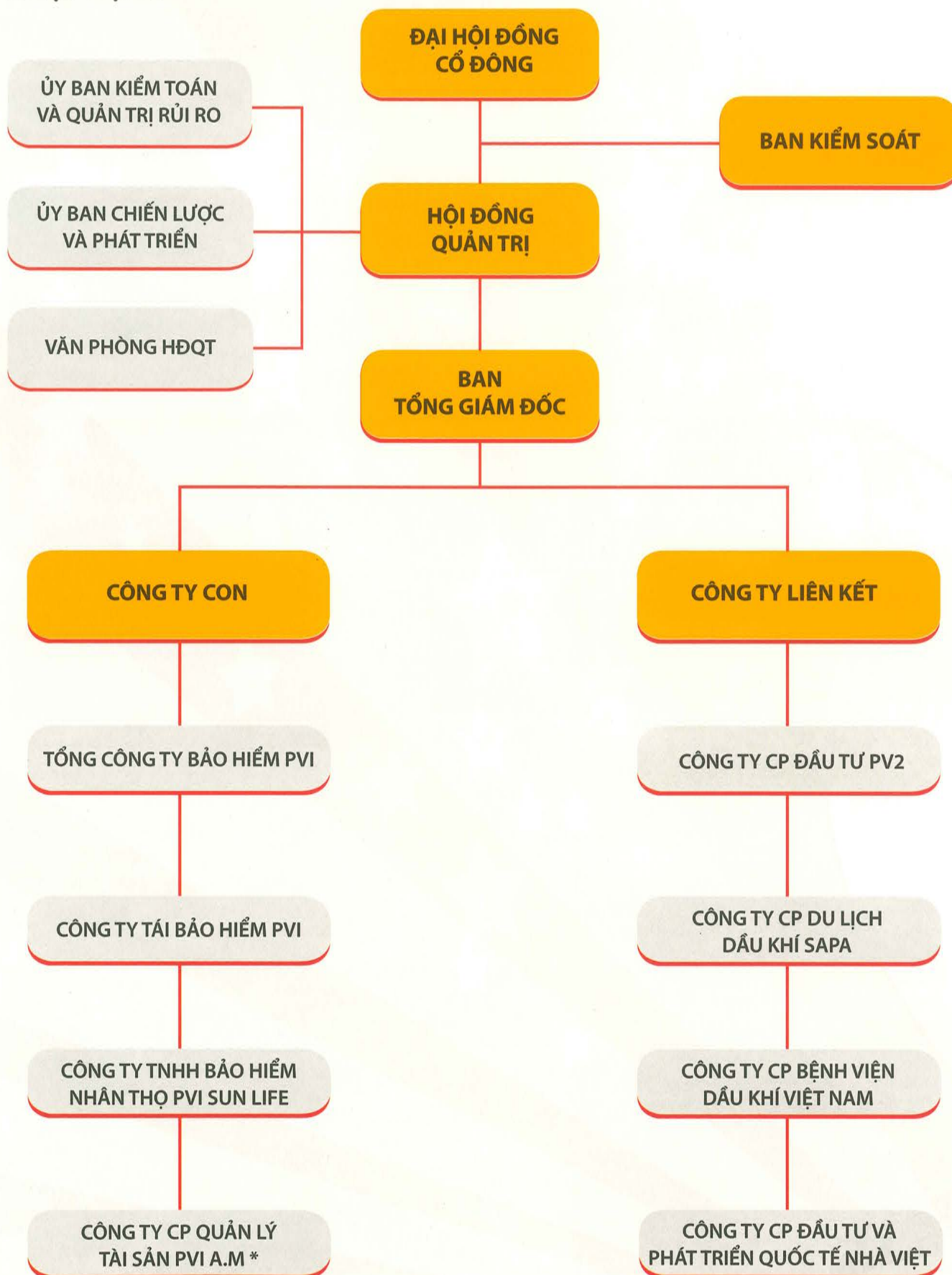
NĂM 2012

Hoàn thiện mô hình hoạt động theo phương án tái cấu trúc đề ra, PVI chuẩn bị kỹ lưỡng cho sự ra đời của 02 công ty con là **Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life** và **Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản PVI A.M**

Mục tiêu của **PVI Sun Life**, công ty do PVI sở hữu 51% vốn điều lệ và **Sun Life Financial (Canada)** sở hữu 49% vốn điều lệ, là trở thành **Doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ Việt Nam**.

Tháng 7/2012, **PVI cũng đã tăng vốn điều lệ lên 2.342 tỷ đồng** thông qua hoạt động phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược hiện hữu **Tập đoàn Talanx (Đức)**.

Mô hình HOẠT ĐỘNG



* Đang hoàn tất thủ tục thành lập

Lĩnh vực HOẠT ĐỘNG

- ▶ **KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ, PHI NHÂN THỌ, TÁI BẢO HIỂM**
- ▶ **QUẢN LÝ VỐN - ĐẦU TƯ**
- ▶ **QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN**

Sơ đồ TỔ CHỨC



Hội đồng QUẢN TRỊ



ÔNG ULRICH HEINZ WOLLSCHLÄGER
Thành viên Hội đồng Quản trị

ÔNG NGUYỄN KHUYẾN NGUỒN
Thành viên Hội đồng Quản trị

**ÔNG DƯƠNG THANH DANH
FRANÇOIS**
Thành viên Hội đồng Quản trị

ÔNG BÙI VĂN THUẬN
Thành viên HĐQT
Tổng Giám đốc



ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

ÔNG TÔN THIỆN VIỆT
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

ÔNG TUNG SING LAU
Thành viên Hội đồng Quản trị

**ÔNG BADRI NARAYANAN
SANTHANA KRISHNAN**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban
TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG TRẦN VĂN QUÝ
Phó Tổng Giám đốc

ÔNG PHẠM ANH ĐỨC
Phó Tổng Giám đốc

ÔNG TRƯƠNG QUỐC LÂM
Phó Tổng Giám đốc

ÔNG NGUYỄN NGỌC MINH
Phó Tổng Giám đốc

ÔNG VŨ VĂN THẮNG
Phó Tổng Giám đốc



ÔNG BÙI VẠN THUẬN
Thành viên HĐQT
Tổng Giám đốc

ÔNG PHẠM KHẮC DŨNG
Phó Tổng Giám đốc thường trực

ÔNG NGUYỄN HOÀNG TUẤN
Phó Tổng Giám đốc

ÔNG PHÙNG TUẤN KIÊN
Kế toán trưởng

Ban KIỂM SOÁT



ÔNG GERARD AMAL WAHAB
Thành viên Ban Kiểm soát

ÔNG OLIVER MASSMANN
Thành viên Ban Kiểm soát



BÀ HÀ LAN
Trưởng Ban Kiểm soát

ÔNG JENS HOLGER WOHLTHAT
Thành viên Ban Kiểm soát

BÀ PHAN THỊ THU HUYỀN
Thành viên Ban Kiểm soát

Hệ thống quản trị & NGUỒN NHÂN LỰC



Sau khi thực hiện Tái cấu trúc vào tháng 8 năm 2011, PVI chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình mới và tiếp tục thực hiện phương án Tái cấu trúc để trở thành Định chế Tài chính - Bảo hiểm hoàn chỉnh. Trong năm 2012, PVI đã có những bước hoàn thiện về cơ cấu tổ chức hoạt động như sau:

I. VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. CÔNG TY MẸ

Từ 01/8/2011, mô hình tổ chức mới đã được áp dụng tại PVI. Theo đó, cơ cấu quản trị tại PVI được xây dựng theo hai cấp. Công ty mẹ thực hiện chức năng quản trị doanh nghiệp và các công ty con thực hiện chức năng quản trị kinh doanh. Để tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và đáp ứng hoạt động chính của công ty mẹ là hoạt động đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực tài chính khác, công ty mẹ đã tập trung hoàn thiện cơ cấu tổ chức, thành lập bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị bao gồm: Văn phòng Hội đồng quản trị, Ủy ban Chiến lược và Phát triển, Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro để tăng cường chức năng quản trị doanh nghiệp trong toàn hệ

thống của PVI. Bên cạnh đó, bộ máy các Ban chức năng giúp việc Ban điều hành cũng được tổ chức gọn nhẹ với sự phân công chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng, không chồng chéo. Qua đó, PVI đã xác định được cơ cấu quản trị, áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong quản trị điều hành, xác định trách nhiệm và mối quan hệ giữa công ty mẹ - công ty con, việc quản trị doanh nghiệp vừa chặt chẽ vừa đảm bảo hiệu quả cho doanh nghiệp.

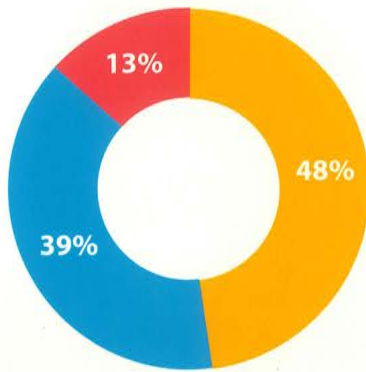
2. CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Các công ty con do Công ty Cổ phần PVI đầu tư 100% vốn:

+ Ngày 28/6/2011, PVI đã thành lập Tổng Công ty Bảo hiểm PVI, hoạt động theo hình thức công ty TNHH Một thành viên; kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam trước đó; chịu trách nhiệm về các tranh chấp phát sinh liên quan đến phần vốn và tài sản do Công ty mẹ giao. Vốn điều lệ hiện tại là 1.700 tỷ đồng.

+ Ngày 20/7/2011, PVI đã thành lập Công ty Tái Bảo hiểm PVI, hoạt động trong lĩnh vực tái bảo hiểm theo hình thức công ty TNHH Một thành viên. Vốn điều lệ hiện

ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG



Năm 2012

- Lao động dưới 30 tuổi
- Lao động từ 30 tuổi đến 39 tuổi
- Lao động trên 40 tuổi

tại là 460 tỷ đồng.

Công ty liên kết:

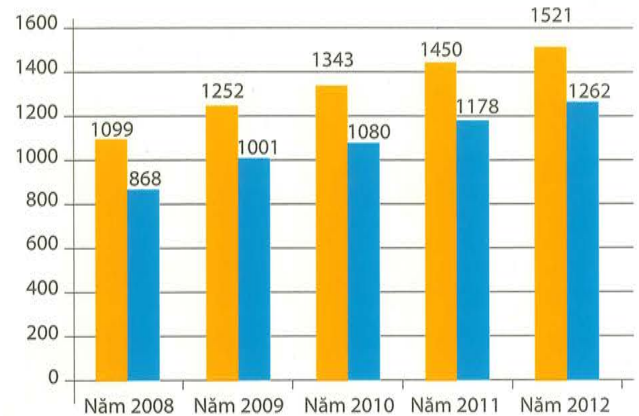
- + Công ty Cổ phần Đầu tư PV2: PVI nắm giữ 36,4% vốn điều lệ;
- + Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa: PVI nắm giữ 74,52% vốn điều lệ;
- + Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam: PVI nắm giữ 60% vốn điều lệ;
- + Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt: PVI nắm giữ 34% vốn điều lệ.

3. THÀNH LẬP CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ, CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN

- Thành lập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life: Ngày 24/01/2013, Bộ Tài chính đã chính thức cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 68 GP/KDBH cho PVI Sun Life với số vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng, PVI nắm giữ 51% vốn điều lệ.

- Thành lập Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản PVI: PVI đang gấp rút phối hợp cùng các đối tác để hoàn tất thủ tục xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản PVI.

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG NHÂN SỰ CỦA PVI TỪ NĂM 2008 ĐẾN NĂM 2012



- Tổng số lao động
- Tổng số lao động có trình độ Đại học trở lên

II. VỀ NHÂN SỰ

1. TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2012, TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TOÀN PVI LÀ 1.521 NGƯỜI.

Năm 2011 tổng số lao động toàn PVI là 1.450 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 100 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1.318 người
- Công ty Tái Bảo hiểm PVI: 32 người

Năm 2012 tổng số lao động toàn PVI là 1.521 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 103 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1.376 người
- Công ty Tái Bảo hiểm PVI: 42 người

Thông tin cổ đông & QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



Cổ đông và nhà đầu tư là một trong những đối tượng quan trọng trong chính sách quản trị doanh nghiệp của các công ty cổ phần. Công ty Cổ phần PVI (PVI) luôn xem cổ đông là những người chủ thực sự của doanh nghiệp. Quan hệ của PVI với cổ đông và các nhà đầu tư có ý nghĩa đặc biệt, giúp tạo dựng niềm tin vững chắc và lâu dài trong quan hệ giữa các bên. Chính lòng tin và sự gắn kết của các cổ đông với doanh nghiệp sẽ giúp PVI có thêm nguồn vốn dài hạn để tăng trưởng và giá trị đích thực của cổ phiếu PVI sẽ được cộng đồng nhà đầu tư cùng chung tay giữ gìn.

Giá trị cốt lõi trong hoạt động Quan hệ cổ đông của PVI là đảm bảo việc thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông cũng như đảm bảo sự đối xử bình đẳng giữa các cổ đông. Là một công ty đại chúng có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, PVI luôn tuân thủ nghiêm túc các yêu cầu công bố thông tin theo luật định. Ngoài ra, các thông tin mới nhất liên quan đến hoạt động của PVI được liên tục cập nhật trên website chính thức của công ty tại địa chỉ www.pvi.com.vn bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Thông qua các phương

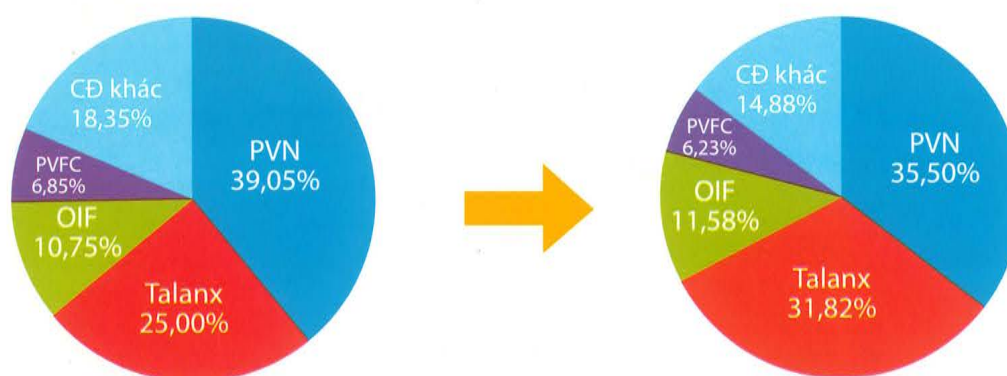
tiện thông tin đại chúng khác, PVI luôn chủ động truyền tải đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin mà nhà đầu tư quan tâm. Bên cạnh thông tin về kết quả sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu tài chính, dự án trong tương lai ... PVI còn chú trọng đến các thông tin về kế hoạch phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. PVI sẵn sàng cung cấp cho cổ đông và nhà đầu tư thông tin đa chiều nhằm giúp họ có một cái nhìn toàn diện về doanh nghiệp.

Bộ phận Quan hệ cổ đông của PVI đã làm tốt chức năng là cầu nối hữu hiệu gắn kết cổ đông, nhà đầu tư với doanh nghiệp. Không chỉ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các cổ đông mới có điều kiện đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp, PVI luôn sẵn sàng đối thoại với cổ đông và các nhà đầu tư quan tâm. Đến với PVI, cổ đông dù là tổ chức hay cá nhân, dù là cổ đông lớn hay cổ đông nhỏ lẻ, luôn nhận được sự tiếp đón chân thành, trao đổi cởi mở và hợp tác. Bên cạnh việc nhanh chóng phản hồi các câu hỏi và ý kiến của cổ đông thông qua điện thoại hay email trực tiếp, PVI luôn sẵn sàng gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư, đại diện quỹ đầu tư và các tổ chức

TT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG	SỐ LƯỢNG CP TRƯỚC TĂNG VỐN *	SỐ LƯỢNG CP HIỆN TẠI
1	TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM (PVN)	18 Láng Hạ, Hà Nội	Dầu khí, Đầu tư	83.149.740	83.149.740
2	HDI-GERLING VERSICHERUNG AG (TALANX)	CHLB Đức	Bảo hiểm, Tài chính	53.236.788	74.531.503
3	FUNDERBURK LIGHTHOUSE LIMITED (OIF)	Oman	Quỹ Đầu tư	22.889.900	27.117.841
4	TCT TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVFC)	22 Ngô Quyền Hà Nội	Tài chính	14.593.243	14.593.243
5	CỔ ĐÔNG KHÁC			39.077.481	34.849.540

* Trước ngày 03/7/2012

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG PVI TRƯỚC KHI TĂNG VỐN VÀ HIỆN TẠI



tài chính. PVI đã tổ chức nhiều cuộc họp giữa Ban Lãnh đạo công ty và các nhà đầu tư chiến lược để thảo luận về chính sách phát triển cũng như tình hình quản trị doanh nghiệp nhằm tìm ra hướng đi tốt nhất cho PVI, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông PVI.

Năm 2012, kinh tế thế giới và Việt Nam trải qua giai đoạn cực kỳ khó khăn, dẫn đến những tổn thất rất lớn cho cộng đồng doanh nghiệp, khiến cho nhiều nhà đầu tư phải rút vốn, rời bỏ thị trường. Nhưng trong bất cứ

hoàn cảnh nào, các cổ đông, đặc biệt là cổ đông lớn, vẫn giữ vững niềm tin với PVI, cam kết gắn bó lâu dài với PVI. Trên cơ sở đó, PVI đã tiếp tục tăng vốn thành công thông qua việc phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược Talanx Group và tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong năm luôn ở mức tối đa theo quy định của pháp luật. Thành công đó có sự đóng góp không nhỏ từ mối quan hệ nồng ấm của PVI với các nhà đầu tư.

Các công ty liên kết

CÔNG TY CON



BẢO HIỂM PVI - GIÁ TRỊ ĐÃ ĐƯỢC KHẲNG ĐỊNH

Mục tiêu của công ty là chinh phục cột mốc 6.068 tỷ đồng tổng doanh thu kế hoạch năm 2013 với lợi nhuận 455 tỷ đồng.

Ngày 28/6/2011, Bộ Tài chính đã cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 63GP/KDBH cho Tổng công ty Bảo hiểm PVI. Và từ ngày 01/8/2011, Tổng công ty Bảo hiểm PVI bắt đầu đi vào hoạt động.

Năm 2012, Bảo hiểm PVI tiếp tục khẳng định sự phát triển mạnh mẽ và vững chắc, là công ty bảo hiểm duy nhất trong nhóm 5 công ty dẫn đầu về thị phần thị trường bảo hiểm phi nhân thọ hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu kinh doanh với gần **5.459 tỷ đồng tổng doanh thu (hoàn thành 102,5% kế hoạch)** và 454 tỷ đồng lợi nhuận (hoàn thành 116% kế hoạch). Bảo hiểm PVI tiếp tục duy trì là nhà Bảo hiểm công nghiệp số 1 thị trường với doanh thu bảo hiểm gốc gần 4.659 tỷ đồng và chiếm 21% thị phần thị trường phi nhân thọ. Năm vừa qua, Bảo hiểm PVI đã thành công trong công tác tư vấn, quản lý rủi ro và đảm bảo an toàn về tài sản cho các khách hàng trong lĩnh vực Dầu khí - Năng lượng thông qua việc xây dựng chương trình bảo hiểm trọn gói cho PVN và PVEP. Không những vậy, Bảo hiểm PVI cũng đã tái cơ cấu hệ thống trong việc triển khai có hiệu quả khối dự án ngoài lĩnh vực Dầu khí - Năng lượng như bảo hiểm hàng không cho Vietnam Airlines, Quân chủng Hải quân; bảo hiểm các công trình thuộc Bộ Giao thông Vận tải, Bộ NN&PTNT, trong đó phải kể đến Dự án xây dựng đường sắt đô thị thành phố Hồ Chí Minh - Bến Thành - Suối Tiên với tổng giá trị bảo hiểm lên tới 600 triệu đô la Mỹ...

Bên cạnh đó, năm 2012, hệ thống bán lẻ của Bảo hiểm PVI cũng đã phát triển theo đúng định hướng, hoạt động kinh doanh bắt đầu có lãi, cơ cấu doanh thu đã

dịch chuyển theo đúng kế hoạch đặt ra từ đầu năm, tỉ lệ bồi thường nghiệp vụ bảo hiểm Xe cơ giới và tỉ lệ công nợ đã giảm rõ rệt.

Với thị trường quốc tế, Bảo hiểm PVI vẫn khẳng định được năng lực của mình, tiếp tục duy trì xếp hạng năng lực tài chính B+ (Tốt) từ Tổ chức đánh giá tín nhiệm **A.M Best**. Đây chính là sự khác biệt lớn với thị trường và là lợi thế cạnh tranh của Bảo hiểm PVI trong bối cảnh thị trường hiện nay.

Cuối năm 2012, **Bảo hiểm PVI đã tăng vốn lên 1.700 tỷ đồng** và chính thức trở thành DNBH có quy mô vốn lớn nhất thị trường phi nhân thọ Việt Nam. Bảo hiểm PVI dự kiến sẽ tiếp tục tiến hành tăng vốn trong năm 2013. Đây là lời khẳng định của Bảo hiểm PVI cho những tham vọng, những hoài bão của công ty. Với mức vốn điều lệ mới, Bảo hiểm PVI sẽ chủ động hơn trong việc mở rộng hệ thống cũng như duy trì và có thể tiến tới tăng hạng năng lực tài chính với Tổ chức **A.M Best**. Trong bối cảnh thị trường tiềm ẩn nhiều rủi ro thì các nhà đầu tư chuyên nghiệp, các đối tác nước ngoài thường tín nhiệm và đặt trọn niềm tin vào những DNBH đã được quốc tế thừa nhận và đánh giá tốt, vì lẽ đó, tấm vé thông hành từ **A.M Best** có thể coi là lợi thế rất lớn trong bối cảnh thị trường như hiện nay.



PVI RE - KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU NHÀ TÁI BẢO HIỂM CHUYÊN NGHIỆP

Là một công ty thành viên của PVI - trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN), PVI Re là công ty tái bảo hiểm thứ hai được cấp phép hoạt động tại Việt Nam (giấy phép thành lập và hoạt động số 66 GP/KDBH cấp ngày 20/7/2012). PVI Re ra đời với sứ mệnh là một trong các hoạt động kinh doanh cốt lõi của PVI gồm: bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm, quản lý quỹ, đồng thời góp phần cho sự phát triển chung của thị trường bảo hiểm Việt Nam.

2012 - PVI Re là điểm sáng thị trường bảo hiểm Việt Nam

Sau 8 tháng đi vào hoạt động, PVI Re đã được **A.M Best** xếp hạng năng lực tài chính (FSR) loại **B+** (Tốt) và xếp hạng tín dụng của tổ chức phát hành (ICR) loại bbb- (Đủ năng

lực). Sự kiện này cũng chính thức đưa PVI Re trở thành công ty tái bảo hiểm đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam được xếp hạng năng lực tài chính quốc tế, đây chính là thuận lợi để PVI Re khẳng định thương hiệu và uy tín của mình.

PVI Re kết thúc năm 2012 đạt tổng doanh thu 1.250 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch; lợi nhuận đạt 31 tỷ đồng, hoàn thành 116% kế hoạch. Đặc biệt, một trong những chỉ tiêu quan trọng đánh giá năng lực tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm là quỹ dự phòng nghiệp vụ thì trong năm 2012, PVI Re trích lập thêm 155 tỷ đồng, đưa tổng các quỹ dự phòng nghiệp vụ lũy kế đến hết năm 2012 là 173 tỷ đồng.

2013 – PVI Re với những kế hoạch khát vọng

Năm 2013 với kế hoạch kinh doanh đầy thách thức: tổng doanh thu là 1.430 tỷ đồng, đạt tốc độ tăng trưởng 15%, lợi nhuận trước thuế đạt 90 tỷ đồng, mức giữ lại đạt 225 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ lên 600 tỷ đồng thông qua cổ phần hóa được PVI Re coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2013 và sẽ tiếp tục tăng lên 1.000 tỷ đồng trong các năm tiếp theo, góp phần nâng mức giữ lại và năng lực nhận tái bảo hiểm cũng như duy trì xếp hạng tín nhiệm quốc tế.

Bên cạnh thị trường trong nước, PVI Re tiếp tục đẩy mạnh khai thác nhận tái bảo hiểm từ nước ngoài như: Singapore, Hàn Quốc, Trung Đông, Ấn Độ, từng bước tìm kiếm và mở rộng các thị trường mới như Myanmar, Indonesia và Nam Phi... Đây là các thị trường tiềm năng của PVI Re, đóng góp 25% tổng doanh thu và sẽ tăng trưởng nhanh trong thời gian tới.

PVI Re hiện đang đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nhằm hướng tới mục tiêu trở thành một công ty tái bảo hiểm chuyên nghiệp hoạt động hiệu quả và có thương hiệu quốc tế.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFE (PVI SUN LIFE)

Ngày 24/1/2013, PVI Sun Life được Bộ Tài chính cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 68 GP/KDBH, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ. PVI Sun Life có trụ sở chính tại: 20 - 22 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. PVI Sun Life sẽ cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ tiên tiến cho khách hàng tại Việt Nam thông qua các kênh phân phối đa dạng.

Định hướng chiến lược phát triển của PVI Sun Life là trở thành doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ hàng đầu tại Việt Nam, thông qua việc kết hợp thế mạnh của hai đối tác: uy tín, thương hiệu và hiểu biết thị trường nội địa của PVI và kinh nghiệm toàn cầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và quản trị rủi ro của Sun Life Financial. Sự kết hợp này sẽ mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tối



ưu nhất.

Sứ mệnh của PVI Sun Life là tư vấn và cung cấp giải pháp nhằm giúp khách hàng đạt được các mục tiêu tài chính.

Giá trị cốt lõi của PVI Sun Life bao gồm: **Luôn hướng đến khách hàng** - Cung cấp những giải pháp tài chính hiệu quả và luôn đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu; **Cam kết về chất lượng** - Cam kết sẽ mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tối ưu; **Chuyên nghiệp** - Cung cấp dịch vụ Tư vấn tài chính chuyên nghiệp nhằm giúp khách hàng đạt được các mục tiêu tài chính; **Giá trị** - Mang đến những giá trị tốt đẹp cho khách hàng và cộng đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 được thành lập từ tháng 6/2007, với ngành nghề kinh doanh chính là đầu tư bất động sản và đầu tư tài chính.

Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và tài chính nên chịu ảnh hưởng nặng nề từ những khó khăn của nền kinh tế. Trong năm 2012 cụ thể, đó là các khó khăn trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư, khó khăn trong việc thu hồi công nợ, kiện tụng do các đối tác khách hàng không có khả năng chi trả... Rủi ro phát sinh từ các hoạt



Các công ty liên kết

CÔNG TY CON (tiếp theo)

động từ năm 2011 đã hiện hữu và ảnh hưởng rõ rệt đến kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2012, liên quan trực tiếp đến các hoạt động quản lý, repo bất động sản và đầu tư tài chính. Điều này đã khiến cho PV2 phải thực sự cẩn trọng hơn trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là đối với các dịch vụ tài chính vốn được xem là hoạt động sử dụng nguồn vốn ngắn hạn đưa lại lợi nhuận chủ yếu cho PV2 trong thời gian vừa qua. Trong năm 2012, công ty đã tạm dừng triển khai các hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh khác để tập trung thu hồi nợ khó đòi và duy trì các dự án đã đầu tư nhằm tiếp tục vượt qua khó khăn, chờ thị trường phục hồi.

Nhằm hướng tới những mục tiêu phát triển trong dài hạn và ứng phó với những thay đổi của thị trường, PV2 đã mạnh dạn tiến hành tái cấu trúc doanh nghiệp trong năm 2012; công ty đã tái cơ cấu hợp lý toàn bộ danh mục đầu tư dự án, danh mục đầu tư tài chính, mà trọng tâm tập trung vào các khoản đầu tư chiến lược. Đồng thời, PV2 cũng tiến hành kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý của công ty, đảm bảo bộ máy tổ chức quản lý gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả. Việc tái cấu trúc này nhằm đảm bảo cho sự ổn định và phát triển của PV2 trong tương lai.

Trong năm 2012, PV2 tiếp tục triển khai theo tiến độ các thủ tục, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch, lập dự án đầu tư của các dự án của công ty tại Đồng Nai, Dung Quất, Hà Nội... Đồng thời, đẩy mạnh công tác tiếp thị, tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng các dự án bất động sản nhằm hiện thực hóa lợi nhuận, thu hồi vốn phục vụ cho các hoạt động đầu tư khác. Ban Lãnh đạo điều hành và cán bộ quản lý đã tập trung và dành nhiều thời gian để xử lý các hợp đồng khó thu hồi vốn. Đối với hoạt động đầu tư tài chính, PV2 đã rất thận trọng trong việc giải ngân vốn cho hoạt động đầu tư tài chính mà chủ yếu tập trung vào việc hiện thực hóa lợi nhuận danh mục cổ phiếu đầu tư và quản lý các doanh nghiệp có vốn góp của PV2, thực hiện các hoạt động tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng tốt nhằm bảo toàn vốn.

Bước vào năm mới 2013, cùng với sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên PV2, tin tưởng rằng công ty sẽ tiếp tục vượt qua các khó khăn để ổn định và phát triển.

CÔNG TY CP BỆNH VIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVH)

Ngày 27/6/2011, tại Khu đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam (PVH) đã chính thức tổ chức lễ ra mắt hoạt động.

Từ khi đi vào hoạt động PVH đã mạnh dạn đầu tư, triển khai các dịch vụ mới tại Bệnh viện Dầu khí Dung Quất. Cùng với việc chuyển hóa chuyên môn và tư tưởng của người lao động, PVH còn đẩy mạnh công tác marketing, truyền thông, đầu tư thêm máy móc thiết bị như máy sinh hóa 18 thông số, máy chạy thận nhân tạo, siêu âm 4D với tổng kinh phí trên 11 tỷ...

Do đó, qua một năm hoạt động PVH đã đạt được một số thành công nhất định. Tất cả các chỉ tiêu về



hoạt động chuyên môn của PVH đều tăng cao: đã tổ chức khám chữa bệnh cho khoảng 65.698 lượt người, khoảng 4.316 bệnh nhân điều trị nội trú và 38.382 bệnh nhân điều trị ngoại trú đạt 153,53% kế hoạch, và gần 9.000 cán bộ nhân viên trong và ngoài ngành Dầu khí tham gia khám sức khỏe định kỳ tại PVH, khoảng 194.879 lần xét nghiệm vượt 314% kế hoạch năm, 12.867 lần siêu âm đạt 214,45% kế hoạch năm. Đặc biệt công suất sử dụng giường bệnh tăng cao 168%, là một trong những bệnh viện có công suất giường bệnh tăng cao trong tỉnh (từ năm 2011 trở về trước, Bệnh viện Dung Quất cũ công suất sử dụng giường bệnh thấp nhất tỉnh). Đó là điểm đáng ghi nhận của PVH, góp phần vào sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cho người dân trong tỉnh cũng như cán bộ nhân viên trong ngành Dầu khí, giảm thiểu sự quá tải của các Bệnh viện hiện nay tại Quảng Ngãi.

Ngoài công tác chuyên môn, bệnh viện còn chú trọng đến vấn đề y đức của đội ngũ y, bác sĩ. Bệnh nhân ở đây đa số là người nghèo hay thuộc diện chính sách nên các cán bộ y tế của bệnh viện luôn có tinh thần trách nhiệm, hết lòng yêu thương, chăm sóc bệnh nhân xứng đáng với lời dạy của Bác Hồ "lương y như từ mẫu". Bên cạnh đó bệnh viện cũng thường xuyên nhắc nhở, giáo dục các nhân viên về thái độ phục vụ. Nhiệm vụ của đội ngũ y bác sĩ tại PVH không chỉ là giải thích rõ ràng bệnh tình, mà còn động viên để bệnh nhân yên tâm điều trị. Với những tiêu chí này, bệnh viện đã tạo được lòng tin cho người dân khi đến khám chữa bệnh, để lại tình cảm đối với bệnh nhân.

Bằng niềm tin của bệnh nhân và khát vọng phát triển của chính mình cùng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu và quyết tâm, PVH sẽ tiếp tục đổi mới, thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong năm 2013 và những năm tiếp theo để đạt được mục tiêu chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng hàng đầu tại tỉnh Quảng Ngãi. Để thực hiện tất cả những điều đó, PVH cần sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ của các cổ đông đặc biệt là PVI để PVH sớm triển khai được dự án Trung tâm đa khoa tại thành phố Quảng Ngãi. Đây sẽ là vệ tinh tăng nguồn thu dung bệnh nhân cho Bệnh viện Dầu khí Dung Quất, góp phần tăng nguồn thu bền vững cho Bệnh viện và cả PVH trong tương lai. Hy vọng, trong thời gian tới PVH phát triển tương xứng với sự đầu tư và kỳ vọng của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và các cổ đông, đặc biệt là PVI./.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ SAPA (PVST)

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sapa (PVST) đi vào hoạt động chính thức từ ngày 01/7/2008, với số vốn điều lệ là 100 tỷ đồng.

Năm 2013, nhằm phát huy sức mạnh tài chính của các cổ đông sáng lập, đặc biệt là Công ty Cổ phần PVI thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN), PVST đã kiện toàn lại bộ máy nhân sự, đẩy mạnh ngành nghề kinh doanh cốt lõi là Dịch vụ du lịch; Nhà hàng - Khách sạn; Rượu đặc sản San Lùng:

+ Đối với kinh doanh Dịch vụ du lịch:

PVST đã nhiều năm liền là một trong những đơn vị lữ hành hàng đầu của tỉnh Lào Cai và là một trong sáu đơn vị trên địa bàn được phép thực hiện đưa đón khách Trung Quốc vào Việt Nam theo quyết định 849/2004/QĐ-BCA của Bộ Công an. Để phấn đấu hơn nữa, trong năm 2013, PVST thực hiện nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ như vận chuyển, lưu trú, ăn uống, dịch vụ thủ tục xuất nhập cảnh, visa, hộ chiếu... Ngoài ra PVST đã khảo sát và mở rộng thêm nhiều tour tuyến phục vụ nhu cầu du lịch của khách với phong cách phục vụ, chất lượng dịch vụ tốt nhất, theo khẩu hiệu PVST đặt ra: "Nụ cười của bạn - hạnh phúc của chúng tôi".

+ Đối với kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn:

PVST đã và đang thực hiện đầu tư xây dựng khách sạn cao cấp tiêu chuẩn 4 sao mang tên: U Sa Pa tại trung tâm thị trấn Sa Pa. Huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai là điểm du lịch nổi tiếng của Việt Nam. Dự kiến Quý III/2013, khách sạn U Sa Pa sẽ đi vào hoạt động.

+ Đối với kinh doanh rượu đặc sản San Lùng:

Năm 2013, ngoài bốn sản phẩm hiện có: Chai nậm nơ 500ml 43 độ, chai nậm nơ 500ml 33 độ, chai tròn đôi 400ml và chai cô gái 400ml, PVST sẽ cho ra mắt thêm ba loại sản phẩm rượu mới là: Chum Rượu nếp thượng hạng 3 lít 40 độ, chai 500ml nậm nơ nếp 40 độ và chai rượu phổ thông 500ml 33 độ nhằm đa dạng sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, biểu tặng của khách hàng trong và ngoài



tỉnh, Rượu San Lùng sẽ làm Quý khách: "Cháy bỏng tình bằng hữu - Nồng ấm hương vị vùng cao".

Ngoài lĩnh vực kinh doanh cốt lõi trên PVST đã và đang nỗ lực không ngừng tìm kiếm các đối tác để mở rộng quy mô kinh doanh, nâng cao vị thế, tầm vóc, năng lực cạnh tranh trên lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư tài chính, bất động sản....



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ NHÀ VIỆT (VIETHOUSING)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Quốc tế Nhà Việt ("VietHousing"), trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh, là một thành viên non trẻ của PVI, với ngành nghề kinh doanh chính là đầu tư kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính.

Kể từ khi được thành lập, nhận thức được những khó khăn, thách thức trước mắt đồng thời cũng là cơ hội lớn trong lộ trình phát triển lâu dài của VietHousing, các cấp lãnh đạo công ty đã hoạch định một chiến lược kinh doanh phát triển bền vững nhằm đảm bảo cho sự lớn mạnh lâu dài của VietHousing.

Mặc dù mới chính thức đi vào hoạt động từ tháng 4/2012, nhưng VietHousing cũng đã đạt được những thành quả nhất định. Doanh thu năm 2012 ước đạt khoảng 36 tỷ đồng và có lợi nhuận ngay trong năm đầu hoạt động.

Với mục tiêu đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong năm 2013, làm nền tảng cho sự phát triển trong những năm tiếp theo, VietHousing sẽ tập trung triển khai dự án hiện có tại thành phố Hồ Chí Minh và tiếp tục tìm kiếm các dự án đầu tư phù hợp và các cơ hội kinh doanh mới trong bối cảnh và cơ hội thị trường hiện nay. Trong kế hoạch kinh doanh năm 2013, VietHousing đặt mục tiêu doanh thu 79 tỷ đồng, tăng trưởng xấp xỉ 120% so với con số thực hiện năm 2012. Cùng với việc theo đuổi một chiến lược kinh doanh bền vững, công tác kiểm soát và phòng ngừa rủi ro luôn được công ty ưu tiên hàng đầu. Bên cạnh đó, VietHousing cũng chú trọng tới công tác quản trị, củng cố bộ máy nhân sự, xây dựng đội ngũ để chuẩn bị tốt nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của công ty.

Với những thành công bước đầu đạt được trong năm 2012, được sự hỗ trợ của các Cổ đông đặc biệt là PVI, với sự chỉ đạo sáng suốt của Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên, VietHousing tự tin bước vào năm 2013 với niềm tin vững chắc đưa công ty ngày càng phát triển và tăng trưởng bền vững, từng bước xây dựng Sức mạnh của VietHousing với giá trị cốt lõi: Chuyên nghiệp - Vượt trội - Xứng tầm - Gắn kết - Tin cậy ("POWER: Professional - Outstanding - Worthy - Engaged - Reliable").

Quản trị DOANH NGHIỆP



MỘT SỐ ĐIỂM NỔI BẬT TRONG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA PVI NĂM 2012

I. THAY ĐỔI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-PVI ngày 20/4/2012 về công tác cán bộ của Hội đồng Quản trị: Ông Trần Văn Quý, nguyên Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần PVI (PVI) được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc PVI (phụ trách hoạt động phía Nam) kể từ ngày 20/4/2012.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2012, HĐQT của PVI đã thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của PVI, HĐQT đã tổ chức thành công kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên vào ngày 20/4/2012 và các phiên họp HĐQT thường kỳ trong năm. HĐQT đã ban hành 25 Nghị quyết nhằm thực hiện việc chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Ban điều hành; đồng thời phối hợp tích cực với Ban kiểm soát tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động của công ty.

Trong năm 2012, HĐQT PVI đã thực hiện được các công việc cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2012
2. Chỉ đạo tiếp tục tái cấu trúc doanh nghiệp, thành lập các công ty theo phương án đã được ĐHĐCĐ PVI thông qua:
 - Thành lập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life
 - Thành lập Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản PVI
3. Chỉ đạo tiếp tục thực hiện tăng vốn điều lệ thành công, củng cố mối hợp tác chặt chẽ với cổ đông chiến lược Talanx:
 - PVI tăng vốn điều lệ thành công từ 2.129 tỷ lên

2.342 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (HGI) thuộc Tập đoàn Talanx. Tổng giá trị của giao dịch lên tới 560 tỷ đồng (tương đương 27 triệu đô la Mỹ), theo đó tỷ lệ sở hữu của HGI tại PVI đã tăng từ 25% lên 31,82%.

• HĐQT cũng đã chỉ đạo tăng vốn Điều lệ cho Tổng công ty Bảo hiểm PVI nhằm nâng cao khả năng giữ lại và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Với vốn điều lệ hiện tại 1.700 tỷ đồng (tăng 200 tỷ đồng), Bảo hiểm PVI là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có vốn điều lệ cao nhất thị trường.

4. Chỉ đạo hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế:

• HĐQT đã thành lập Văn phòng HĐQT và 02 Ủy ban chức năng trực thuộc HĐQT bao gồm Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro và Ủy ban Chiến lược và Phát triển. Trong năm 2012, các Ủy ban đã phối hợp làm việc với Ban điều hành, nhóm họp nội bộ và đưa ra những đề xuất cụ thể với HĐQT liên quan đến công tác quản trị rủi ro cũng như định hướng chiến lược phát triển dài hạn cho PVI.

5. Chỉ đạo bảo vệ thành công xếp hạng tín nhiệm với tổ chức A.M Best cho Tổng công ty Bảo hiểm PVI và lần đầu tiên đưa Công ty Tái Bảo hiểm đạt xếp hạng B+ (Tốt).

III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát PVI do ĐHĐCĐ thường niên 2012 ngày 20/4/2012 bầu ra, gồm 4 thành viên: 1 thành viên chuyên trách làm Trưởng ban và 3 thành viên kiêm nhiệm. Các thành viên trong Ban Kiểm soát được phân công nhiệm



vụ cụ thể, rõ ràng. Hàng quý, Ban Kiểm soát tổ chức họp định kỳ giữa các thành viên với nội dung: Kiểm điểm tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát trong quý trước; Trao đổi làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của PVI với đại diện HĐQT, đại diện Ban điều hành và các cán bộ liên quan; Thống nhất những ý kiến đánh giá, kiến nghị với PVI và xây dựng, điều chỉnh kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát thường xuyên tiến hành giám sát hoạt động của PVI qua các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con, công ty liên kết và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan. Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro, Ban Kiểm toán nội bộ và Quản lý rủi ro xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát và thực hiện kiểm tra giám sát.

Nội dung kiểm tra giám sát trong năm bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ; Nghị quyết HĐQT và thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT.
- Giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVI.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế của người đại diện PVI tại các công ty con và công ty liên kết.
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm; Thẩm định Báo cáo Tài chính; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính hàng quý trong năm 2012.

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý Ban Kiểm soát đều có các ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất.

IV. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT PVI đã thực hiện giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ PVI. Bên cạnh việc giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, hoàn thành mục tiêu năm 2012 với tốc độ tăng trưởng cao ở mọi lĩnh vực, HĐQT còn thực hiện được những công tác quan trọng khác như: Chỉ đạo tiếp tục triển khai thực hiện Tái cấu trúc theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên với việc góp vốn vào Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life và Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản PVI A.M; Chi trả 8% cổ tức đợt 2 năm 2011 và tạm ứng 7% cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền mặt cho cổ đông PVI...

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành các hoạt động kinh doanh và các lĩnh vực khác của PVI theo sát những quyết sách của HĐQT, đảm bảo sự phối hợp hoạt động quản trị của PVI được hiệu quả.

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát đã nhận được sự hợp tác tốt từ HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

V. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA PVI

Được coi là năm bản lề trong giai đoạn tái cấu trúc, năm 2013, PVI sẽ tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển tổng thể và thống nhất với tầm nhìn dài hạn cho toàn bộ hệ thống. Trước mắt, PVI ưu tiên xây dựng Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Chiến lược công nghệ thông tin, Chiến lược phát triển thị trường và Chiến lược phát triển thương hiệu của toàn hệ thống. Đồng thời PVI sẽ tiếp tục chuẩn hóa việc quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo hoạt động của PVI là minh bạch, an toàn, hiệu quả, từ đó giữ vững xếp hạng quốc tế A.M Best.

Quản lý RỦI RO

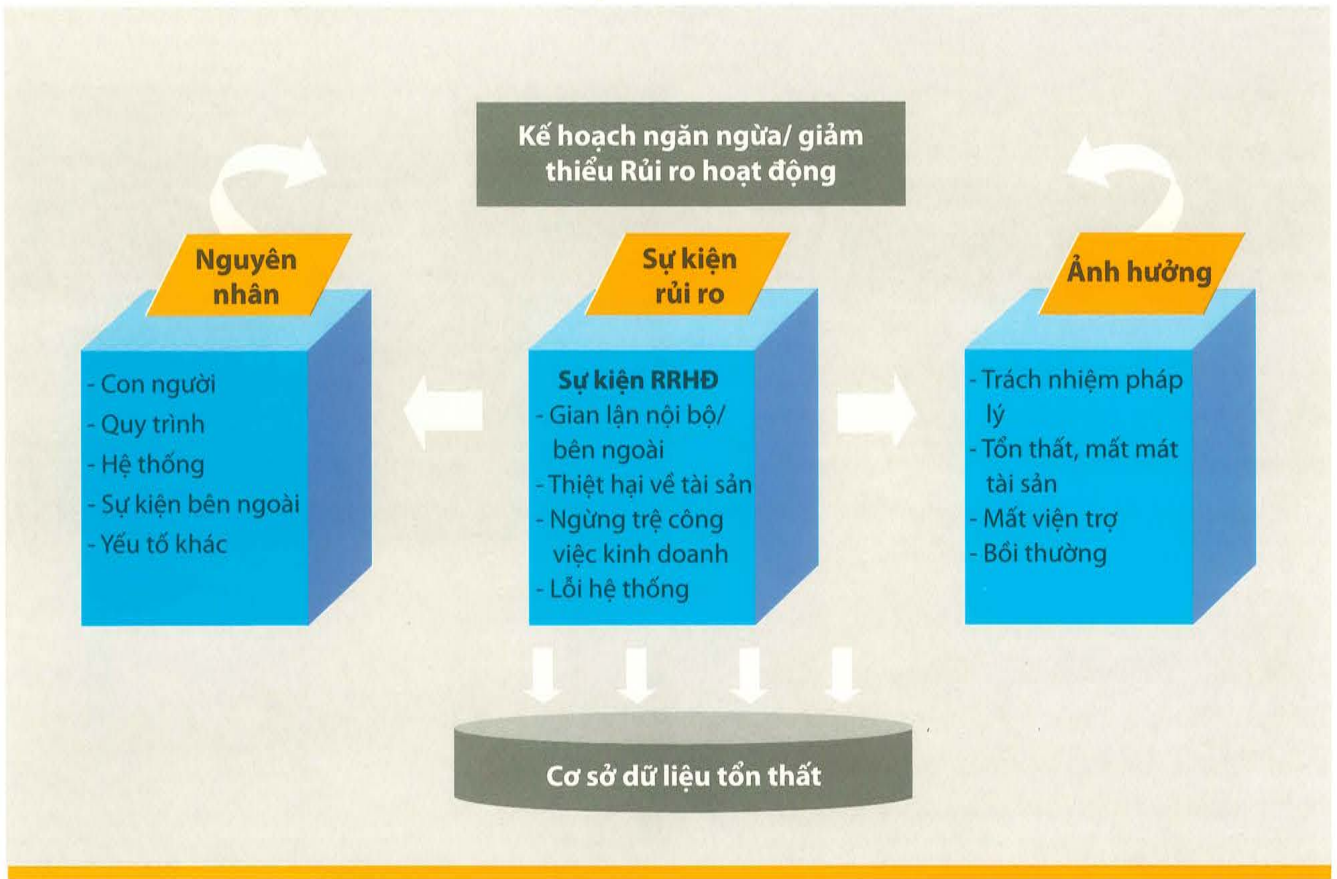


Rủi ro hoạt động là loại rủi ro có mặt trong hầu hết các hoạt động của doanh nghiệp nhưng lại khó lường nhất. Trong những năm qua, rất nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam và trên thế giới đã phải gánh chịu những tổn thất không nhỏ do rủi ro hoạt động, ảnh hưởng rất lớn đến uy tín và tài sản của doanh nghiệp. Trong bối cảnh cạnh tranh, hội nhập, công nghệ ứng dụng trong doanh nghiệp ngày càng hiện đại và đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng tài chính hiện nay, các doanh nghiệp cần phải cải cách mạnh mẽ để tăng cường quản trị rủi ro hoạt động. Ý thức được điều này, PVI đã chú trọng xây dựng và áp dụng các biện pháp hiện đại để quản trị rủi ro hoạt động.

Các nguyên nhân của rủi ro hoạt động như con người (nhân viên gian lận, cố ý làm sai, mất hoặc thiếu nhân lực chủ chốt); quy trình (văn bản hợp đồng không đầy đủ, thiếu hướng dẫn; việc tuân thủ nội bộ và bên ngoài kém; sản phẩm quá phức tạp hoặc tư vấn tồi); hệ thống (đầu tư công nghệ không phù hợp, lỗi tích hợp từ vận hành hệ

thống, lỗ hổng an ninh hệ thống) và các yếu tố bên ngoài (các hành vi tội phạm, việc sử dụng nguồn lực bên ngoài không hợp lý, thảm họa, cơ sở hạ tầng chung kém). Rủi ro hoạt động có thể mang lại những tổn thất rất lớn cho doanh nghiệp như: các trách nhiệm pháp lý gây ra cho doanh nghiệp, tài sản hoặc uy tín của doanh nghiệp bị tổn thất hay mất mát, giảm vốn kinh doanh hay mất vốn, giảm lợi nhuận...

Chính vì vậy, quản trị rủi ro hoạt động trong những năm gần đây đã trở thành một hoạt động quan trọng đối với PVI. Tại PVI, tất cả các cấp từ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, và mọi nhân viên đều nhận thức được tầm quan trọng của rủi ro hoạt động. PVI đã thành lập, hoàn thiện Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro riêng biệt trực thuộc Hội đồng Quản trị, Ủy ban trên hoạt động độc lập, không tham gia vào quá trình tạo rủi ro, có chức năng quản lý, giám sát rủi ro. Ngoài ra Ban Kiểm toán nội bộ và Quản lý rủi ro là bộ phận đánh giá các chốt kiểm soát có hoạt động hiệu quả hay không, đề xuất các chốt kiểm soát



chặt chẽ hơn để ngăn ngừa các rủi ro hiện có cũng như rủi ro mới xuất hiện.

Bên cạnh đó, PVI luôn chú trọng xây dựng ý thức về quản trị rủi ro hoạt động trong toàn hệ thống, thiết lập các chốt kiểm soát trong mọi hoạt động. Tất cả các nhân viên trong PVI được đào tạo để hiểu biết và tham gia tự xác định rủi ro hoạt động hiện có trong tất cả sản phẩm, hoạt động, quy trình. Các chính sách quản trị nhân lực hướng tới mục tiêu xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao, đạo đức nghề nghiệp tốt; các quy trình nghiệp vụ được rà soát thường xuyên, hoàn thiện hóa, tránh quá cứng nhắc và có lỗi hổng. Hệ thống công nghệ thông tin và vận hành được bảo dưỡng và cập nhật thường xuyên.

Ngoài ra, hiện nay PVI đang kết hợp với đơn vị tư vấn xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đo lường rủi ro chính KRIs, kết hợp các chỉ tiêu định tính (tự đánh giá, kiểm tra) và các chỉ tiêu định lượng và tính toán khả năng xảy ra rủi ro. Từ mức độ rủi ro được định lượng

hóa như trên, PVI đưa ra kế hoạch kiểm soát rủi ro phù hợp nhất, đảm bảo những lĩnh vực có mức độ rủi ro cao được xếp thứ tự ưu tiên cao hơn.

Trong thời gian sắp tới, PVI sẽ phối hợp với cổ đông chiến lược Talanx hoàn thiện phần mềm để xây dựng ngân hàng dữ liệu về rủi ro hoạt động. Nhờ vậy, việc phân tích, đánh giá và xử lý rủi ro hoạt động sẽ dễ dàng và hiệu quả hơn.

Như vậy quản trị rủi ro hoạt động hiệu quả (nghĩa là rủi ro xảy ra trong mức độ dự đoán trước và có thể kiểm soát được) có vai trò quan trọng và đóng góp cho sự thành công của PVI ngày nay bởi một khi rủi ro được dự báo trước, PVI có thể xây dựng và triển khai những kế hoạch ứng phó hiệu quả và đảm bảo sự phát triển bền vững.

Sự kiện & Danh hiệu NỔI BẬT NĂM 2012

Tháng 3/2012, A.M Best công bố xếp hạng năng lực tài chính ở mức B+ (Tốt) cho cả Tổng công ty Bảo hiểm PVI và Công ty Tái Bảo hiểm PVI. Đến thời điểm này, PVI là Doanh nghiệp duy nhất ở Việt Nam có được xếp hạng tín nhiệm B+ (Tốt) trên cả 2 lĩnh vực Bảo hiểm và Tái Bảo hiểm.



Ngày 31/5/2012, Công ty Cổ phần PVI và Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Sun Life Financial đã ký hợp đồng hợp tác để thành lập công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life. Việc thành lập PVI Sun Life nằm trong chiến lược phát triển của PVI và đánh dấu bước phát triển mới của Sun Life Financial tại châu Á.



Ngày 03/7/2012, HDI - Gerling Industrie Versicherung AG, công ty do Tập đoàn Bảo hiểm Talanx sở hữu 100% vốn điều lệ, đã ký Hợp đồng mua bán cổ phần với Công ty Cổ phần PVI (PVI). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của HDI - Gerling tại PVI tăng từ 25% lên 31,82%. Tổng giá trị mua bán lên tới 560 tỷ đồng (tương đương 27 triệu đô la Mỹ).

Tháng 12/2012, PVI tăng vốn điều lệ cho Bảo hiểm PVI lên 1.700 tỷ đồng. Với mức vốn điều lệ mới, Bảo hiểm PVI trở thành Doanh nghiệp Bảo hiểm có quy mô vốn lớn nhất thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ.

Kết thúc năm 2012, doanh thu hợp nhất của PVI vượt mốc 6.000 tỷ đồng (đạt hơn 6.200 tỷ đồng). Bảo hiểm PVI tiếp tục duy trì là nhà bảo hiểm công nghiệp số 1 thị trường và chiếm 21% thị phần thị trường bảo hiểm phi nhân thọ. PVI Re ngay năm đầu hoạt động đã đạt mức doanh thu 1.250 tỷ đồng và có lãi.



Ngày 24/01/2013, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép số 68 GP/KDBH cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life. Như vậy PVI đã trở thành Doanh nghiệp đầu tiên và duy nhất của Việt Nam có các đơn vị thành viên hoạt động trên cả 3 lĩnh vực của bảo hiểm: Nhân thọ - Phi nhân thọ - Tái bảo hiểm.

Chỉ số tài chính kinh doanh **NỔI BẬT NĂM 2012**

VỚI NHỮNG GIẢI PHÁP HIỆU QUẢ CÙNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐÚNG ĐẮN, CŨNG NHƯ ĐƯỢC SỰ HỖ TRỢ SÁT SAO, QUÍ BÁU CỦA CÁC ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC, PVI ĐÃ VƯỢT QUA MỌI THỬ THÁCH, HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC TẤT CẢ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2012, ĐẢM BẢO TỶ LỆ CHIA CỔ TỨC 15% NHƯ ĐÃ CAM KẾT.

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT:

Năm 2012 là năm đầu tiên **PVI VƯỢT QUA MỐC DOANH THU 6.000 TỶ ĐỒNG** (đạt hơn 6.200 tỷ đồng) với **DOANH THU BẢO HIỂM GỐC ĐẠT 4.659 TỶ ĐỒNG**, tăng trưởng gần 10% so với năm 2011. Hoàn thành **VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN CỦA NĂM LÀ 549 TỶ ĐỒNG**, tăng trưởng hơn 17%. **NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẠT 523 TỶ ĐỒNG**, tăng trưởng hơn 17%.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY MẸ:

Công ty Mẹ - PVI Holdings là một trong số ít những doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả trong năm 2012 và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch với **TỔNG DOANH THU ĐẠT 809 TỶ ĐỒNG**, hoàn thành vượt mức 137% kế hoạch năm; **LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐẠT 397 TỶ ĐỒNG** và đảm bảo **tỷ lệ chia cổ tức 15%**. Đây là những kết quả rất đáng ghi nhận trong bối cảnh khó khăn chung, thể hiện sự quyết tâm và cố gắng của toàn hệ thống PVI.



Định hướng PHÁT TRIỂN CHO TƯƠNG LAI



► MỤC TIÊU TỔNG QUÁT CỦA PVI LÀ:

PVI nỗ lực phấn đấu trở thành Tập đoàn Bảo hiểm - Tài chính có thương hiệu quốc tế với phương châm: Phát triển nhanh, bền vững dựa trên nền tảng tri thức, sức mạnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, kết hợp hài hòa lợi ích của các cổ đông, khách hàng và người lao động.

TRONG NĂM 2013, MỤC TIÊU CỦA PVI LÀ:

- Tiếp tục hoàn chỉnh và nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị, tăng cường kiểm soát rủi ro.

- Triển khai tăng vốn điều lệ nhằm không ngừng nâng cao năng lực tài chính, quy mô doanh nghiệp.

- Duy trì xếp hạng tín nhiệm quốc tế ở mức B+ (Tốt) cho cả Tổng công ty Bảo hiểm PVI và Công ty Tái Bảo hiểm PVI.

- Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng hoạt động kinh doanh lõi - kinh doanh bảo hiểm cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của thị trường.

PHẦN ĐẦU TỔNG DOANH THU ĐẠT HƠN 7.000 TỶ ĐỒNG

- Với sự ra đời của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life và Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản PVI, PVI tiếp tục hoàn thiện mô hình kinh doanh với hai trụ cột là bảo hiểm và tài chính. Trong đó bao gồm 3 công ty bảo hiểm thành viên chuyên sâu trong các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ và tái bảo hiểm; Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản PVI với vai trò

luân chuyển dòng vốn giữa các đơn vị thành viên và toàn PVI, nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động đầu tư trên nguyên tắc đầu tư cẩn trọng và chọn lọc mang lại hiệu quả cao.

- Xây dựng thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp.

- Tiếp tục nâng cấp đổi mới và phát triển hạ tầng, hệ thống CNTT để hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý, hệ thống cơ sở dữ liệu góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý chung toàn PVI; tương xứng với sự phát triển của PVI.

- Chú trọng công tác nhân sự và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua củng cố bộ máy nhân sự cấp cao, tìm kiếm và bổ sung nguồn cán bộ trẻ, nhiệt huyết phù hợp với yêu cầu phát triển của PVI, tăng cường hợp tác với đối tác nước ngoài để đào tạo và tự đào tạo cán bộ.

- Mở rộng mối quan hệ với các cổ đông và đối tác nước ngoài.

Hoạt động XÃ HỘI



Là tiếng nói đại diện cho người lao động PVI, Công đoàn PVI đã hoàn thành tốt công tác thực hiện chế độ, chính sách liên quan đến quyền và nghĩa vụ người lao động trong năm 2012. Với tổng số cán bộ nhân viên của Công ty mẹ và các Công ty con/Công ty liên kết lên đến hơn 1.700 người nên PVI đã xác định đội ngũ nhân lực là nhân tố quyết định trong phát triển doanh nghiệp. Có thể nói, đời sống của người lao động PVI ngày càng được nâng cao, nhìn chung người lao động có mức tiền lương và thu nhập ổn định, đời sống không ngừng được cải thiện.

Năm 2012 mức thu nhập bình quân trong toàn PVI là 17,4 triệu đồng/người/tháng. Người lao động cũng được thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước. Ngoài ra, PVI vẫn duy trì tốt chế độ bảo hiểm con người trách nhiệm cao (PVI Care) cho 100% CBNV.

Điều kiện làm việc của người lao động được PVI đặc biệt quan tâm, chú trọng. Trụ sở của PVI và các đơn vị luôn được sửa chữa, nâng cấp, bảo trì đảm bảo đầy đủ diện tích cũng như điều kiện, cơ sở vật chất làm việc theo tiêu chuẩn

quy định. Tòa nhà PVI Tower được thiết kế hiện đại, đồng bộ và thân thiện với môi trường sẽ được PVI đưa vào sử dụng làm trụ sở của công ty, qua đó nâng cao chất lượng điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.

Với vai trò xung kích, tích cực của tổ chức đoàn thể trong việc chăm lo đời sống tinh thần cho tập thể CBNV PVI, năm 2012 có thể được coi là năm nở rộ của các hoạt động thể thao, văn nghệ. Đáng chú ý là các giải bóng đá PVI khu vực phía Bắc và giải bóng đá PVI khu vực phía Nam quy tụ sự tham gia của hơn 20 đội bóng, mang đến những giờ phút thi đấu gay cấn nhưng đẹp mắt và đầy cống hiến của các cầu thủ PVI tạo nên tinh thần giao hữu, đoàn kết giữa các đơn vị. Các cầu thủ PVI cũng đem màu cờ sắc áo của PVI tham dự giải đấu Cúp Hồ Gươm năm 2012 đồng thời vô địch giải bóng đá giao hữu "PVI Mở rộng" năm 2012. Bên cạnh đó, hoạt động văn nghệ của PVI cũng có những thành công riêng khi đội văn nghệ chính thức đi vào sinh hoạt định kỳ, bài bản với nhiều tiết mục đặc sắc, phục vụ các sự kiện quan trọng của PVI. Những tiết mục ấn tượng và công phu của đội văn nghệ thực sự đã ghi những dấu ấn trong năm 2012, đặc



biệt là điệu nhảy flash mob “Bài ca PVI” đã để lại nhiều ấn tượng về sức trẻ, sự sáng tạo và tình yêu công ty của tuổi trẻ PVI.

Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp đã có qua nhiều năm, PVI tập trung đẩy mạnh các hoạt động an sinh xã hội, coi đó như một phần không thể thiếu trong hoạt động phát triển chung của công ty. Tập thể CBNV PVI với tinh thần tự giác cao đã nhiệt tình và tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào đền ơn đáp nghĩa, quyên góp ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, ủng hộ các quỹ an sinh như Quỹ tương trợ Dầu khí, Quỹ vì người nghèo... tiếp tục phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và các phong trào đoàn thể, xã hội khác. Tổng số tiền và hiện vật mà tập thể CBNV PVI đóng góp cho hoạt động này trong năm 2012 lên đến gần **18 tỷ đồng**.

Một số dấu mốc tiêu biểu trong hoạt động an sinh xã hội của PVI phát động có thể kể đến như sau:

1. Tặng Sổ tiết kiệm và hỗ trợ xây nhà cho các cựu TNXP tỉnh Thanh Hóa với số tiền gần 1,5 tỷ đồng.
2. Ủng hộ Quỹ tương trợ của ngành Dầu khí Việt Nam

Ngày 28/12/2012 Đại hội đại biểu Công đoàn Công ty Cổ phần PVI lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2012 - 2017, đã diễn ra và thành công tốt đẹp.

Các chỉ tiêu thi đua hàng năm đối với Công đoàn PVI gồm:

- + Phần đấu đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở vững mạnh, xuất sắc.
- + Đạt cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
- + Các công đoàn cơ sở đạt danh hiệu “Công đoàn cơ sở vững mạnh” và “Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc”.
- + 20% cá nhân đạt danh hiệu “Đoàn viên công đoàn xuất sắc tiêu biểu”.
- + 80% nữ đoàn viên đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”.

Đại hội cũng bầu ra BCH khóa I (nhiệm kỳ 2012 - 2017) gồm 15 đồng chí do đồng chí Phạm Khắc Dũng - Phó TGD PVI, làm Chủ tịch và 2 đồng chí Đặng Tiến Dũng và Hồ Thu Hương làm Phó Chủ tịch.

với số tiền gần 1,5 tỷ đồng.

3. Ủng hộ Quỹ vì thế hệ trẻ của ngành Dầu khí Việt Nam số tiền gần 1 tỷ đồng.

4. Ủng hộ các tiểu thương khắc phục cháy chợ trung tâm tỉnh Quảng Ngãi với số tiền 500 triệu đồng.

5. Mua Báo Nhân dân ủng hộ cho đồng bào, chiến sĩ vùng sâu vùng xa; Tài trợ vé máy bay cho sinh viên Trường Đại học Luật tham gia “Vòng chung kết cuộc thi Diễn đàn Luật môi trường Quốc tế” tại Mỹ.

Bên cạnh đó PVI còn tham gia tài trợ cho các giải thi đấu thể thao của ngành, của đơn vị với số tiền lên đến gần 200 triệu đồng.

Các tổ chức đoàn thể của PVI đã phát huy sức mạnh và vai trò, phối hợp với Ban Lãnh đạo PVI và toàn thể CBNV PVI xây dựng một tập thể PVI vững mạnh, đoàn kết. Năm 2013, các tổ chức đoàn thể của PVI sẽ tiếp tục phát huy vai trò để đóng góp vào sự phát triển chung của PVI.

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH**

2012



BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	43
Báo cáo Kiểm toán độc lập	45
Bảng cân đối kế toán	46
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	48
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	49
Thuyết minh báo cáo tài chính	50

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	73
Báo cáo Kiểm toán độc lập	75
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	76
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	78
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	79
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	80



BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Trần Văn Quý	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)
Ông Patrick Claude Choffel	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)
Ông Santhana Krishnan Badri Narayanan	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 02 năm 2013

Số: 449/Deloitte-AUDHN-RE

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần PVI

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2013, từ trang 46 đến trang 71. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 43 và trang 44, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 06 tháng 02 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012***MẪU SỐ B 01 - DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.865.084.728.356	2.419.615.837.352
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	139.416.874.186	88.394.874.149
1. Tiền	111		24.416.874.186	13.394.874.149
2. Các khoản tương đương tiền	112		115.000.000.000	75.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.231.830.007.058	1.909.683.563.297
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.312.403.269.249	2.019.244.806.144
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(80.573.262.191)	(109.561.242.847)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		403.605.486.219	418.001.594.057
1. Phải thu khách hàng	131	7	303.573.591.138	353.628.322.035
2. Trả trước cho người bán	132	8	68.305.378.240	64.959.720.527
3. Các khoản phải thu khác	135	9	99.973.501.663	16.384.051.969
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(68.246.984.822)	(16.970.500.474)
IV. Hàng tồn kho	140		1.876.620.000	736.710.000
1. Hàng tồn kho	141		1.876.620.000	736.710.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		88.355.740.893	2.799.095.849
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		768.122.086	122.986.364
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	10	87.025.045.529	1.674.904.250
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		562.573.278	1.001.205.235
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		3.806.776.279.013	3.304.998.414.385
I. Tài sản cố định	220		954.333.241.905	488.940.773.747
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	17.915.833.548	20.656.446.723
<i>Nguyên giá</i>	222		45.748.182.849	43.485.541.982
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(27.832.349.301)	(22.829.095.259)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	4.529.767.427	16.882.722.787
<i>Nguyên giá</i>	228		19.645.112.000	26.805.160.500
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(15.115.344.573)	(9.922.437.713)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	931.887.640.930	451.401.604.237
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.740.363.630.573	2.681.729.709.901
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	2.160.000.000.000	1.960.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	396.528.754.965	406.240.196.880
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	326.394.840.680	397.622.050.450
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17	(142.559.965.072)	(82.132.537.429)
III. Tài sản dài hạn khác	260		112.079.406.535	134.327.930.737
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	112.074.406.535	134.327.930.737
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		7.671.861.007.369	5.724.614.251.737

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01 - DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.671.968.998.055	327.355.877.073
I. Nợ ngắn hạn	310		1.171.711.917.180	327.098.246.323
1. Phải trả người bán	312		106.232.860	23.015.774.535
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	6.418.054.834	4.486.778.131
3. Phải trả người lao động	315		6.166.399.230	25.486.337.795
4. Chi phí phải trả	316		9.942.883.407	2.658.265.995
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	1.144.553.941.721	249.037.516.704
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.524.405.128	22.413.573.163
II. Nợ dài hạn	330		500.257.080.875	257.630.750
1. Vay và nợ dài hạn	334	21	500.000.000.000	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337		257.080.875	257.630.750
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		5.999.892.009.314	5.397.258.374.664
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	5.999.892.009.314	5.397.258.374.664
1. Vốn điều lệ	411		2.342.418.670.000	2.129.471.520.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	2.974.771.778.198
3. Cổ phiếu quỹ	414		(138.219.350.615)	(124.322.427.350)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(101.655.857)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		179.211.820.775	179.211.820.775
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		293.418.355.134	238.227.338.898
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		7.671.861.007.369	5.724.614.251.737

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	12.479,29	15.564,19
Euro	EUR	385,24	396,16

Nguyễn Vương Huỳnh
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 02 năm 2013

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02 - DN

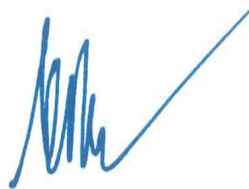
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	69.805.794.621	3.293.514.649.050
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	-	259.999.491.954
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		69.805.794.621	3.033.515.157.096
(10 = 01 - 02)				
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	63.479.789.607	2.235.128.662.539
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.326.005.014	798.386.494.557
(20 = 10 - 11)				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	739.874.853.219	795.063.313.060
7. Chi phí tài chính	22	27	201.193.570.849	582.081.689.153
8. Chi phí bán hàng	24		-	495.107.380.079
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		148.059.095.858	169.041.127.639
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		396.948.191.526	347.219.610.746
{30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}				
11. Thu nhập khác	31		32.453.109	54.076.763.746
12. Chi phí khác	32		-	50.176.097
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		32.453.109	54.026.587.649
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		396.980.644.635	401.246.198.395
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		20.760.341.775	73.943.862.379
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	28	376.220.302.860	327.302.336.016
(60 = 50 - 51)				



Nguyễn Vương Huỳnh
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 02 năm 2013



Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			Trình bày lại
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	11.855.936.000	2.839.993.661.908
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(198.167.191.788)	(2.017.766.638.979)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(47.251.107.505)	(164.179.849.075)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nợ Nhà nước	05	(27.304.994.767)	(295.904.283.044)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	306.175.184.127	1.726.201.866.030
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(301.162.552.576)	(1.465.984.854.465)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(255.854.726.509)	622.359.902.375
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(508.892.479.857)	(193.829.302.628)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	190.486.794.223
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.766.279.231.737)	(7.577.983.176.145)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.082.979.007.748	4.775.365.202.153
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(37.786.507.505)	(384.395.429.630)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	55.184.089.604	30.688.028.700
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	742.536.828.833	412.214.177.891
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(432.258.292.914)	(2.747.453.705.436)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	560.796.320.725	1.916.524.368.000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(13.896.923.265)	(109.467.979.050)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	500.000.000.000	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(307.764.378.000)	(155.052.636.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	739.135.019.460	1.652.003.752.950
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	51.022.000.037	(473.090.050.111)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	88.394.874.149	561.484.924.260
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	139.416.874.186	88.394.874.149

Nguyễn Vương Huynh
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 02 năm 2013

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Các công ty con và công ty liên kết

Công ty sở hữu 100% vốn của 2 công ty con:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Công ty Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)

Công ty hiện có 5 công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (PV2)
- Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới
- Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa (PVST)
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam (PVH)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt (Viet Housing).

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kinh doanh bảo hiểm (đến trước ngày 01 tháng 8 năm 2011).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 107 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 100).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc này 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết).

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và nợ dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Theo đó, “Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”. Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 đồng sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá trị ghi sổ ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và các quy định về kế toán hiện hành.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, Công ty đã xác định dự phòng giảm giá cần trích lập dựa trên báo cáo tài chính gần nhất thu nhập được của các đơn vị nhận đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính của các công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất Công ty dùng để xác định dự phòng, gây ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Công ty đã trích lập. Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư vào các công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng có các khoản lỗ theo kế hoạch theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty do Công ty kiểm soát, việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản góp vốn vào công ty con được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và các quy định về kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương đóng bảo hiểm xã hội bình quân tháng. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được căn cứ vào mức lương đóng bảo hiểm xã hội bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hối tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ phúc lợi, khen thưởng, trích Quỹ thưởng ban điều hành. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	173.708.496	444.168.423
Tiền gửi ngân hàng	24.243.165.690	11.509.905.726
Tiền đang chuyển	-	1.440.800.000
Các khoản tương đương tiền (*)	115.000.000.000	75.000.000.000
	139.416.874.186	88.394.874.149

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước có thời gian đáo hạn trong vòng 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	243.445.934.805	135.590.622.326
Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (i)	63.334.494.426	278.826.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng (ii)	1.472.000.000.000	205.000.000.000
Hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn (iii)	547.372.089.700	100.000.000.000
Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết (iv)	142.165.750.318	339.828.183.818
Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản (v)	844.085.000.000	910.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	50.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(80.573.262.191)	(109.561.242.847)
	3.231.830.007.058	1.909.683.563.297

- (i) Theo hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro liên quan đến chứng khoán. Công ty chịu rủi ro tín dụng đối với các hợp đồng này và rủi ro tín dụng được đảm bảo bằng quyền thanh lý chứng khoán.
- (ii) Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng là tiền gửi có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm tại các tổ chức tín dụng trong nước.
- (iii) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Công ty chịu rủi ro tín dụng đối với hợp đồng này và rủi ro tín dụng không được đảm bảo bằng tài sản.
- (iv) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết, Công ty góp vốn với các đối tác để mua cổ phiếu niêm yết. Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty có quyền phong tỏa và quyền bán cổ phiếu để thu hồi vốn khi giá trị trường của cổ phiếu suy giảm 30% so với giá tham chiếu trong Hợp đồng hợp tác đầu tư. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước thời hạn. Đối với các hợp đồng quá hạn mà Công ty đánh giá khó có khả năng thu hồi, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ.
- (v) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản, Công ty góp vốn với các đối tác để đầu tư vào các dự án kinh doanh bất động sản, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty nhận thế chấp các tài sản là bất động sản đã được định giá bởi các công ty có chức năng định giá. Trong trường hợp kết thúc hợp đồng mà đối tác không thực hiện nghĩa vụ với Công ty, Công ty có toàn quyền bán tài sản thế chấp để thu hồi vốn góp. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn trong trường hợp có thỏa thuận của hai bên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số hợp đồng đã được gia hạn, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá thận trọng về khả năng tài chính của đối tác cũng như giá trị tài sản bảo đảm và tin tưởng rằng không có khoản dự phòng nào đáng kể cần trích lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu khách hàng	303.573.591.138	353.628.322.035
Phải thu về hoạt động tài chính	300.898.991.596	352.178.322.035
Các khoản phải thu khác của khách hàng	2.674.599.542	1.450.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(68.246.984.822)	(16.970.500.474)
Dự phòng phải thu lãi ủy thác đầu tư dài hạn	(39.877.039.901)	-
Dự phòng phải thu lãi ủy thác đầu tư tài chính ngắn hạn	(28.369.944.921)	(16.970.500.474)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trả trước theo hợp đồng mua bán căn hộ	63.209.770.122	63.209.770.122
- Dự án Olalani (Đà Nẵng)	63.209.770.122	63.209.770.122
Trả trước khác	5.095.608.118	1.749.950.405
	68.305.378.240	64.959.720.527

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng chi phí trước hoạt động (*)	51.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam(**)	43.019.789.607	-
Khác	5.953.712.056	16.384.051.969
	99.973.501.663	16.384.051.969

(*) Tạm ứng cho các chi phí trước hoạt động của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life ("PVI Sun Life"). Các khoản chi phí này sẽ được PVI Sun Life chi trả sau khi chính thức đi vào hoạt động. Hiện tại, các bên góp vốn đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý ở Việt Nam và Canada để PVI Sun Life đi vào hoạt động. Ngày 24 tháng 01 năm 2013, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép số 68 GP/KDBH cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (xem Thuyết minh số 33).

(**) Phải thu từ Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam về chuyển nhượng tài sản tại Bệnh viện theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2011/PVI-PVH ngày 01 tháng 6 năm 2011 và Phụ lục Hợp đồng số PL01-01/2011/PVI-PVH ngày 22 tháng 11 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần PVI. Hạn thanh toán số tiền này là trước ngày 31 tháng 3 năm 2013.

10. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (87.025.045.529 đồng) chủ yếu bao gồm khoản thuế giá trị gia tăng đầu vào của công trình xây dựng trụ sở mới của Công ty (PVI Tower) tại phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Việc được hoàn lại/ khấu trừ số thuế giá trị gia tăng này phụ thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	19.825.224.463	8.917.929.132	14.742.388.387	43.485.541.982
Tăng trong năm	-	1.232.481.819	1.030.159.048	2.262.640.867
- Mua sắm mới	-	1.232.481.819	1.030.159.048	2.262.640.867
Tại ngày 31/12/2012	19.825.224.463	10.150.410.951	15.772.547.435	45.748.182.849
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	9.141.549.847	3.577.873.399	10.109.672.013	22.829.095.259
Trích khấu hao	929.658.190	1.658.025.060	2.415.570.792	5.003.254.042
Tại ngày 31/12/2012	10.071.208.037	5.235.898.459	12.525.242.805	27.832.349.301
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	9.754.016.426	4.914.512.492	3.247.304.630	17.915.833.548
Tại ngày 31/12/2011	10.683.674.616	5.340.055.733	4.632.716.374	20.656.446.723

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	19.085.112.000	7.720.048.500	26.805.160.500
Tăng trong năm	560.000.000	-	560.000.000
- Mua sắm mới	560.000.000	-	560.000.000
Giảm trong năm	-	7.720.048.500	7.720.048.500
- Thanh lý trong năm	-	7.354.899.900	7.354.899.900
- Giảm khác trong năm	-	365.148.600	365.148.600
Tại ngày 31/12/2012	19.645.112.000	-	19.645.112.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	9.922.437.713	-	9.922.437.713
Trích khấu hao	5.192.906.860	-	5.192.906.860
Tại ngày 31/12/2012	15.115.344.573	-	15.115.344.573
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	4.529.767.427	-	4.529.767.427
Tại ngày 31/12/2011	9.162.674.287	7.720.048.500	16.882.722.787

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự án tòa nhà văn phòng PVI Tower tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội (*)	930.681.882.930	445.753.639.776
Dự án tòa nhà văn phòng tại Biên Hòa, Đồng Nai	-	5.645.100.100
Khác	1.205.758.000	2.864.361
	931.887.640.930	451.401.604.237

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI Tower tại phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng. Chi phí lãi vay trong năm được vốn hóa toàn bộ vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 26.033.333.334 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**MẪU SỐ B 09 - DN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	1.700.000.000.000	1.500.000.000.000
Công ty Tái Bảo hiểm PVI	460.000.000.000	460.000.000.000
	2.160.000.000.000	1.960.000.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm
Công ty Tái Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Tái bảo hiểm

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	138.721.893.200	162.433.335.115
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	102.000.000.000	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới	46.912.303.800	46.912.303.800
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa	78.894.557.965	45.894.557.965
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	-	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	30.000.000.000	25.000.000.000
	396.528.754.965	406.240.196.880

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (theo vốn thực góp) %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Tp. Hà Nội, Việt Nam	36,4	36,4	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	Tp. Hà Nội, Việt Nam	34,0	34,0	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới	Tp. Hà Nội, Việt Nam	74,4	74,4	Phát triển truyền thông, tiếp thị đa phương tiện, tổ chức sự kiện
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa	Tp. Lào Cai, Việt Nam	74,5	74,5	Dịch vụ du lịch, vận chuyển, khách sạn, ăn uống
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	Quảng Ngãi, Việt Nam	60,0	60,0	Điều hành hoạt động Bệnh viện Dầu khí Dung Quất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Công ty xác định dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết dựa trên báo cáo tài chính gần nhất thu thập được của các công ty liên kết này. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính của các công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất mà Công ty dùng để lập dự phòng gây ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Công ty đã trích lập.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới (trước đây là Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam), Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa và Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 74,4%, 74,5% và 60%. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định không nắm giữ quyền kiểm soát ở các công ty này trong dài hạn. Do đó, Công ty đã phân loại lại các khoản đầu tư này là "Đầu tư vào công ty liên kết" thay vì "Đầu tư vào công ty con". Việc áp dụng các phương pháp kế toán thích hợp với cách phân loại các khoản đầu tư này phụ thuộc vào việc thực hiện kế hoạch thoái vốn của Công ty trong thời gian tới.

Ngày 17 tháng 8 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 21/NQ-PVI trong đó thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới. Hiện tại, thủ tục giải thể Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới chưa hoàn tất nên Công ty chưa phân loại khoản đầu tư này sang ngắn hạn, đồng thời các tổn thất liên quan đến khoản đầu tư đã được trích lập dự phòng đầy đủ (Thuyết minh số 17).

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Cổ phiếu	80.002.609.354	16.039.750.450
Trái phiếu (*)	50.000.000.000	148.000.000.000
Ủy thác đầu tư (**)	196.392.231.326	233.582.300.000
	326.394.840.680	397.622.050.450

(*) Là trái phiếu doanh nghiệp, có thời gian đáo hạn từ trên 1 năm đến 3 năm, lãi suất danh nghĩa từ 17,5% đến 17,9%/năm.

(**) Là số dư ủy thác cho vay có chỉ định mục đích sử dụng qua các ngân hàng thương mại. Theo hợp đồng ủy thác cho vay, Công ty được hưởng lãi suất thả nổi và chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản ủy thác cho vay này đã quá hạn trả một phần gốc và lãi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng cho số nợ gốc và lãi quá hạn với tổng số tiền là 159.877.039.901 đồng (trong đó dự phòng cho lãi quá hạn được trình bày trong khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" là 39.877.039.901 đồng - Thuyết minh số 7) trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất về khả năng trả nợ của đối tác và tin tưởng rằng đối tác sẽ thực hiện được cam kết trả nợ của mình.

17. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	(16.777.442.899)	(11.352.680.369)
Dự phòng ủy thác đầu tư dài hạn	(120.000.000.000)	(65.777.247.706)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(5.782.522.173)	(5.002.609.354)
	(142.559.965.072)	(82.132.537.429)

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Từ ngày 01/01	134.327.930.737	164.081.910.726
Tăng	6.192.169.789	2.136.823.695
Phân bổ vào chi phí trong năm	(28.445.693.991)	(31.890.803.684)
Tại ngày 31/12	112.074.406.535	134.327.930.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Đơn vị: VND

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	Phát sinh trong năm		31/12/2012
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	46.804.013	971.645.034	218.650.909	799.798.138
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.451.455.612	21.168.625.108	18.425.082.418	4.194.998.302
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	2.988.518.506	6.960.292.328	8.525.552.440	1.423.258.394
	4.486.778.131	29.103.652.470	27.172.285.767	6.418.054.834

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	1.095.807.489.680	142.415.165.558
Công ty Tái Bảo hiểm PVI	939.881.327	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	50.021.250.002
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	38.399.229.371	45.227.388.888
Phải trả khác	9.407.341.343	11.373.712.256
	1.144.553.941.721	249.037.516.704

(*) Bao gồm: (i) vốn và lãi ủy thác phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 1847/HĐ-DKVN ngày 12 tháng 3 năm 2012 là 850 tỷ đồng, thời hạn ủy thác dưới 12 tháng, lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần và tính theo lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Hợp đồng ủy thác đầu tư hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đang làm việc với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản phải trả; (ii) cổ tức; và (iii) các khoản phải trả khác.

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Ngày 21 tháng 8 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 500.000.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm 8 kỳ bắt đầu từ ngày 21 tháng 12 năm 2014 đến ngày 21 tháng 8 năm 2017. Khoản vay chịu lãi suất cố định trong 6 tháng đầu là 14,2%/năm, sau đó được điều chỉnh hàng quý, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 3,5%/năm và được trả hàng tháng.

Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI Tower tại phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 13).

Khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	-
Trong năm thứ hai	125.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	375.000.000.000
Sau năm năm	-
	500.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Đơn vị: VND

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2012	2.129.471.520.000	2.974.771.778.198	(124.322.427.350)	(101.655.857)	179.211.820.775	238.227.338.898	5.397.258.374.664
Vốn góp (a)	212.947.150.000	347.849.170.725	-	-	-	-	560.796.320.725
Mua cổ phiếu quỹ trong năm (b)	-	-	(13.896.923.265)	-	-	-	(13.896.923.265)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	376.220.302.860	376.220.302.860
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (c)	-	-	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Có tức phải trả (c)	-	-	-	-	-	(307.764.378.000)	(307.764.378.000)
Điều chỉnh theo biên bản của Kiểm toán	-	-	-	-	-	6.735.061.376	6.735.061.376
Nhà nước (d)	-	(630.000.000)	-	-	-	-	(630.000.000)
Chi khác	-	1.071.565.097	-	101.655.857	-	30.000	1.173.250.954
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(138.219.350.615)	-	179.211.820.775	293.418.355.134	5.999.892.009.314

(a) Tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2012. Theo đó, Công ty đã phát hành 21.294.715 cổ phần (tương đương 9,09% vốn điều lệ sau khi tăng) cho HDI Gerling Industrie Versicherung AG, thu được số tiền tương ứng với vốn điều lệ tăng thêm là 212.947.150.000 đồng và thặng dư vốn cổ phần tăng thêm là 347.849.170.725 đồng.

(b) Trong năm, Công ty đã mua lại 639.800 cổ phiếu để làm quỹ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

(c) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chia cổ tức cho cổ đông (8% đợt 2 năm 2011 và tạm ứng 7% đợt 1 năm 2012) được thực hiện không quá số tối đa được trích theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2012. Việc phân phối lợi nhuận còn lại của năm 2012 thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và sẽ quyết định trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

(d) Điều chỉnh theo Công văn của Kiểm toán Nhà nước số 250/KTTN-TH ngày 10 tháng 10 năm 2012 về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Chi tiết vốn điều lệ:**

	Vốn góp tại ngày 31/12/2012	Tỷ lệ	Vốn góp tại ngày 31/12/2011	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	831.497.400.000	35,50%	831.497.400.000	39,05%
HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (thuộc tập đoàn Talanx)	745.315.030.000	31,82%	532.367.880.000	25,00%
Công ty Funderburk Lighthouse Limited	271.178.410.000	11,58%	220.925.000.000	10,37%
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	145.932.430.000	6,23%	162.500.430.000	7,63%
Cổ đông khác	348.495.400.000	14,88%	382.180.810.000	17,95%
	2.342.418.670.000	100%	2.129.471.520.000	100%

Cổ phần

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	212.947.152
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	212.947.152
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	212.947.152
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	212.947.152
Số lượng cổ phiếu được mua lại	7.770.900	7.131.100
Cổ phiếu phổ thông	7.770.900	7.131.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	226.470.967	205.816.052
Cổ phiếu phổ thông	226.470.967	205.816.052

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

23. DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh bảo hiểm	- 3.291.464.649.050	
Thu phí bảo hiểm gốc	- 2.864.586.901.123	
Thu phí nhận tái bảo hiểm	- 293.223.938.610	
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	- 126.791.123.151	
Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	- 6.862.686.166	
	69.805.794.621	2.050.000.000
Doanh thu dịch vụ khác	69.805.794.621	3.293.514.649.050

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hoàn phí bảo hiểm	-	62.964.750.523
Tăng dự phòng phí	-	195.240.863.973
Các khoản giảm trừ khác	-	1.793.877.458
	-	259.999.491.954

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn kinh doanh bảo hiểm	-	2.233.313.662.539
Phí nhượng tái bảo hiểm	-	1.667.053.307.353
Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc	-	464.662.473.943
Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	84.384.485.940
Các khoản giảm trừ	-	(146.114.820.232)
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	(140.921.124.556)
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	-	(39.160.600)
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	-	(5.154.535.076)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	(28.115.039.247)
Tăng dự phòng bồi thường	-	4.780.770.024
Số trích dự phòng dao động lớn trong kỳ	-	42.833.783.456
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-	143.828.701.302
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	-	38.276.858.975
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	-	86.323.079.435
- Chi khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm	-	19.228.762.892
Giá vốn kinh doanh dịch vụ khác	63.479.789.607	1.815.000.000
	63.479.789.607	2.235.128.662.539

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	140.549.545.182	242.835.385.644
Lãi đầu tư trái phiếu	15.311.982.057	43.722.547.182
Lãi kinh doanh cổ phiếu	6.402.646.204	5.505.863.959
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	44.672.212.958	25.777.069.443
Cổ tức, lợi nhuận được chia	330.433.942.245	105.869.649.667
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	27.073.534.273
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh Repo	38.159.576.402	55.739.065.227
Doanh thu từ bán bất động sản đầu tư	-	190.374.703.314
Doanh thu hoạt động tài chính khác	164.344.948.171	98.165.494.351
	739.874.853.219	795.063.313.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	10.013.855.688	1.928.890.465
Lỗ chênh lệch tỷ giá	181.901.123	43.053.899.314
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	82.715.931.335	192.816.597.122
Giá vốn bất động sản đầu tư		176.800.000.000
Chi phí tài chính khác	108.281.882.703	167.482.302.252
	201.193.570.849	582.081.689.153

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	396.980.644.635	401.246.198.395
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(330.433.942.245)	(105.869.649.667)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(330.433.942.245)	(105.869.649.667)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	16.494.664.709	398.900.790
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	101.655.857	-
- Thù lao Hội đồng Quản trị	79.000.000	132.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	104.905.023	206.900.790
- Chi phí giao dịch không được khấu trừ	16.209.103.829	-
- Chi phí khác không được khấu trừ	-	60.000.000
Thu nhập chịu thuế	83.041.367.099	295.775.449.518
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.760.341.775	73.943.862.379

29. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Trong báo cáo kiểm toán ngày 12 tháng 3 năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước về việc quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn"), Kiểm toán Nhà nước đã tạm xác định số lãi chậm nộp của số tiền thu từ cổ phần hoá trong năm 2007 mà Công ty phải nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tập đoàn là 134.402.904.325 đồng.

Tuy nhiên, do văn bản quy định của Nhà nước tại thời điểm Công ty hoàn tất quá trình cổ phần hoá (Quyết định số 76/2003/QĐ-BTC về Quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước) không quy định lãi suất tham chiếu để tính lãi chậm nộp, Tập đoàn cũng đã xác định số lãi chậm nộp mà Công ty phải trả là 44.294.438.126 đồng theo Nghị quyết số 872/NQ-DKVN ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn trước ngày hiệu lực (ngày 06 tháng 3 năm 2008) của Quyết định số 09/2008/QĐ-BTC về Quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, công ty Mẹ (thay thế Quyết định số 76/2003/QĐ-BTC) và số tiền 44.294.438.126 đồng tiền lãi chậm trả này đã được Công ty nộp trả Tập đoàn vào tháng 6 năm 2008.

Hiện tại, Công ty đang tiếp tục làm việc với Tập đoàn, Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước về khoản chênh lệch lãi chậm nộp với số tiền 90.108.466.199 đồng (134.402.904.325 đồng - 44.294.438.126 đồng). Theo đó, Báo cáo tài chính cho năm 2012 chưa ghi nhận khoản công nợ 90.108.466.199 đồng nêu trên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có một số cam kết trọng yếu như sau:

- Hợp đồng xây dựng văn phòng tại phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với tổng giá trị tạm tính tương đương với 54.954.000 USD. Giá trị hoàn thành đạt khoảng 80% giá trị hợp đồng.
- Hợp đồng cam kết mua các căn hộ tại khu du lịch Olalani tại đường Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng với số tiền tương đương 5.058.460 USD. Giá trị đã phát sinh liên quan đến hợp đồng này đạt khoảng 60% giá trị hợp đồng.
- Ngày 15 tháng 6 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 15/NQ-PVI về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ PVI Sun Life ("PVI Sun Life"), vốn điều lệ 1.000.000.000.000 đồng, trong đó Công ty góp vốn 510.000.000.000 đồng tương ứng 51% và Sun Life Assurance Company of Canada góp 490.000.000.000 đồng tương ứng 49%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã chuyển vào tài khoản đồng sở hữu để chi trả cho các chi phí trước hoạt động của PVI Sun Life với số tiền là 51 tỷ đồng (Xem thuyết minh số 9). Ngoài ra, tại ngày 17 tháng 01 năm 2013, Công ty đã góp đủ số vốn 510 tỷ đồng và đang làm thủ tục quyết toán để thu hồi số tiền tạm ứng chi phí trước hoạt động của PVI Sun Life.
- Ngày 28 tháng 11 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 24/NQ-PVI về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI ("PVI Asset Management - PVI AM") với vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 42.000.000.000 đồng tương ứng với 21%.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hoá lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hoá số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trình bày tại Thuyết minh số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 VND
Các khoản vay	500.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	139.416.874.186
Nợ thuần	360.583.125.814
Vốn chủ sở hữu	5.999.892.009.314
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	6%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/ 2012	31/12 2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.416.874.186	88.394.874.149
Phải thu khách hàng và phải thu khác	335.300.107.979	353.041.873.530
Đầu tư ngắn hạn	3.231.830.007.058	1.909.683.563.297
Đầu tư dài hạn	200.612.318.507	326.543.304.137
Tổng cộng	3.907.200.107.730	2.677.663.615.113
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.144.660.174.581	272.053.291.239
Chi phí phải trả	9.942.883.407	2.658.265.995
Vay và nợ dài hạn	500.000.000.000	-
Tổng cộng	1.654.603.057.988	274.711.557.234

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Đô la Mỹ (USD)	259.756.421	324.170.849	-	19.474.180.000
Euro (EUR)	10.544.385	10.713.913	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm 25,975,642 đồng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 không thay đổi (do chi phí lãi vay trong kỳ được vốn hoá toàn bộ vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang), đồng thời khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ tăng/giảm khoảng 10 tỷ đồng (2011: 0 đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Nếu giá cổ phiếu đầu tư giảm 10% trong khi tất cả các chỉ số khác không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 5,7 tỷ đồng.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản uỷ thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách cẩn trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích của quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các loại tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.933.518.022	-	140.933.518.022
Phải thu khách hàng và phải thu khác	335.300.107.979	-	335.300.107.979
Đầu tư ngắn hạn	3.410.879.037.558	-	3.410.879.037.558
Đầu tư dài hạn	8.750.000.000	208.754.679.618	217.504.679.618
Tổng cộng	3.895.862.663.559	208.754.679.618	4.104.617.343.177
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.144.660.174.581	-	1.144.660.174.581
Chi phí phải trả	9.942.883.407	-	9.942.883.407
Vay và nợ dài hạn	71.000.000.000	595.209.027.778	666.209.027.778
Tổng cộng	1.225.603.057.988	595.209.027.778	1.820.812.085.766
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.394.874.149	-	88.394.874.149
Phải thu khách hàng và phải thu khác	353.041.873.530	-	353.041.873.530
Đầu tư ngắn hạn	1.909.683.563.297	-	1.909.683.563.297
Đầu tư dài hạn	3.600.000.000	322.943.304.137	326.543.304.137
Tổng cộng	2.354.720.310.976	322.943.304.137	2.677.663.615.113
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	272.053.291.239	-	272.053.291.239
Chi phí phải trả	2.658.265.995	-	2.658.265.995
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	274.711.557.234	-	274.711.557.234

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần PVI.

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Từ ngày 24 tháng 01 năm 2013, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép số 68 GP/KDBH cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Từ ngày 01 tháng 8 năm 2011, Công ty không còn trực tiếp kinh doanh bảo hiểm vì đã thực hiện tái cấu trúc và chuyển giao hoạt động này cho Tổng Công ty Bảo hiểm PVI, do đó doanh thu, chi phí của hoạt động kinh doanh bảo hiểm trên báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 7 năm 2011. Do đó, việc trình bày số liệu so sánh chỉ mang tính chất tham khảo.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này và nhằm chỉnh sửa một số sai sót trong việc trình bày bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Dự phòng phải trả dài hạn	-	257.630.750	257.630.750
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	257.630.750	(257.630.750)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.575.452.833.515)	109.467.979.050	(1.465.984.854.465)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	512.891.923.325	109.467.979.050	622.359.902.375
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(109.467.979.050)	(109.467.979.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.761.471.732.000	(109.467.979.050)	1.652.003.752.950



Nguyễn Vương Huỳnh
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 02 năm 2013



Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng




Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Trần Văn Quý	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)
Ông Patrick Claude Choffel	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)
Ông Santhana Krishnan Badri Narayanan	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 02 năm 2013

Số: 458/Deloitte- AUDHN-RE

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần PVI

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2013, từ trang 76 đến trang 106. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

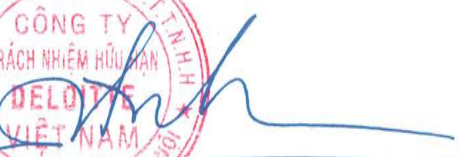
Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 73 và trang 74, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 06 tháng 02 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01 - DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		8.389.906.062.676	6.060.882.350.961
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.773.518.264.884	686.565.126.049
1. Tiền	111		1.007.638.264.884	272.565.126.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		765.880.000.000	414.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	5.275.830.007.058	4.182.683.563.297
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.356.403.269.249	4.292.244.806.144
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(80.573.262.191)	(109.561.242.847)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.173.648.940.979	1.111.821.008.652
1. Phải thu khách hàng	131	7	1.124.067.119.187	1.034.158.831.183
2. Trả trước cho người bán	132	8	68.305.378.240	67.559.720.527
3. Các khoản phải thu khác	135	9	152.113.621.922	55.774.538.400
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(170.837.178.370)	(45.672.081.458)
IV. Hàng tồn kho	140		1.989.702.670	1.023.689.350
1. Hàng tồn kho	141		1.989.702.670	1.023.689.350
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		164.919.147.085	78.788.963.613
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.773.744.766	7.548.820.316
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	10	90.089.890.454	5.464.493.851
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	64.055.511.865	65.775.649.446
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		2.381.298.366.116	2.133.987.828.873
I. Tài sản cố định	220		1.031.461.314.679	540.205.128.532
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	57.066.158.279	47.541.099.023
<i>Nguyên giá</i>	222		145.610.883.373	123.855.970.314
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(88.544.725.094)	(76.314.871.291)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	42.507.515.470	41.262.425.272
<i>Nguyên giá</i>	228		65.947.176.822	56.520.325.422
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(23.439.661.352)	(15.257.900.150)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	931.887.640.930	451.401.604.237
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.218.758.136.997	1.443.645.584.415
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	410.428.986.379	421.007.557.671
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	984.682.218.956	1.145.091.899.026
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17	(176.353.068.338)	(122.453.872.282)
III. Tài sản dài hạn khác	260		131.078.914.440	150.137.115.926
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	114.687.513.742	135.345.435.486
2. Tài sản dài hạn khác	268		16.391.400.698	14.791.680.440
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.771.204.428.792	8.194.870.179.834

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01 - DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4.687.926.552.028	2.733.521.213.907
I. Nợ ngắn hạn	310		4.185.637.098.830	2.731.262.122.357
1. Phải trả người bán	312	19	1.108.156.127.879	945.537.876.105
2. Người mua trả tiền trước	313		6.288.647.510	20.540.927.887
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	68.211.080.677	44.006.838.543
4. Phải trả người lao động	315		54.871.056.492	46.533.322.682
5. Chi phí phải trả	316		11.114.628.440	2.689.572.627
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	1.166.029.434.723	260.685.723.360
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	22	1.757.807.812.454	1.383.570.860.048
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13.158.310.655	27.697.001.105
II. Nợ dài hạn	330		502.289.453.198	2.259.091.550
1. Phải trả dài hạn khác	333		56.751.207	13.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	23	500.000.000.000	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	336		2.232.701.991	2.246.091.550
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		6.083.277.876.764	5.461.348.965.927
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	6.083.277.876.764	5.461.348.965.927
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.129.471.520.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	2.974.771.778.198
3. Cổ phiếu quỹ	414		(138.219.350.615)	(124.322.427.350)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(3.470.275.408)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		179.211.820.775	179.211.820.775
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		69.119.766.469	51.638.058.907
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		307.684.456.115	254.048.490.805
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.771.204.428.792	8.194.870.179.834

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2012	31/12/2011
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	989.097.581.167	1.214.226.405.393
2. Phải thu đòi người thứ ba	VND	41.976.447.838	34.886.486.635
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	19.208.971,63	10.484.305,37
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	347.395,05	42.426,50

Nguyễn Vương Huỳnh
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 02 năm 2013

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02 - DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	5.596.670.456.724	4.898.550.688.346
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	189.979.640.027	147.407.622.625
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		5.406.690.816.697	4.751.143.065.721
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	27	4.194.305.082.763	3.586.942.307.393
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.212.385.733.934	1.164.200.758.328
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	789.344.643.472	849.742.957.109
7. Chi phí tài chính	22	29	216.134.078.410	580.178.717.971
8. Chi phí bán hàng	24		792.433.417.611	787.068.015.209
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		433.365.090.370	237.867.695.525
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		559.797.791.015	408.829.286.732
11. Thu nhập khác	31		787.032.164	54.451.327.371
12. Chi phí khác	32		55.489.958	50.190.644
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		731.542.206	54.401.136.727
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) thuần trong Công ty liên kết	45		(11.067.129.377)	4.767.360.791
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		549.462.203.844	467.997.784.250
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	160.413.142.714	120.370.549.130
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		389.049.061.130	347.627.235.120
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.813	2.066

Nguyễn Vương Huỳnh
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 02 năm 2013

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU SỐ B 03 - DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	5.316.987.592.358	4.358.771.035.654
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(4.279.999.393.549)	(3.421.005.856.505)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(272.241.186.432)	(207.394.780.342)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(18.151.445.834)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nợ Nhà nước	05	(499.118.522.252)	(421.113.147.007)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	559.784.995.951	2.081.978.627.084
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(612.187.814.151)	(1.819.895.990.616)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	195.074.226.091	571.339.888.268
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(548.224.762.862)	(203.057.932.799)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	17.772.727	190.487.430.587
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.735.359.231.737)	(9.429.927.095.804)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.705.461.478.048	7.281.665.202.153
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(59.206.507.505)	(384.395.429.630)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	31.184.089.604	30.688.028.700
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	758.871.055.009	416.276.357.364
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	152.743.893.284	(2.098.263.439.429)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	560.796.320.725	1.916.524.368.000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(13.896.923.265)	(109.467.979.050)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	500.000.000.000	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(307.764.378.000)	(155.052.636.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	739.135.019.460	1.652.003.752.950
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.086.953.138.835	125.080.201.789
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	686.565.126.049	561.484.924.260
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.773.518.264.884	686.565.126.049

Nguyễn Vương Huỳnh
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 02 năm 2013

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Vạn Thuận
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Các công ty con và công ty liên kết

Công ty sở hữu 100% vốn của 2 công ty con:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Công ty Tái Bảo hiểm PVI (PVI Reinsurance)

Thông tin chi tiết về Công ty con như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	154 Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm	1.700.000.000.000	100%
Công ty Tái bảo hiểm PVI	154 Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh tái bảo hiểm	460.000.000.000	100%

Công ty hiện có 6 công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (PV2)
- Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới
- Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa (PVST)
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam (PVH)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt (Viet Housing)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ V-CAR (trước là Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo hiểm Dầu khí).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.524 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.450).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 30 tháng 7 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 125/2012/TT-BTC ("Thông tư 125") về hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thay thế cho Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007 ("Thông tư 156"). Thông tư 125 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2012. Thông tư 125 quy định về chế độ tài chính, bao gồm các quy định về vốn, dự phòng nghiệp vụ, đầu tư tài chính, doanh thu - chi phí, chế độ báo cáo và thông tin quản trị về cơ bản là giống như Thông tư 156.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 125 và Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc này 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và sổ dư giữa Công ty và các công ty con cũng như giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty liên kết) và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, dự phòng bồi thường, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012
	Số năm
Nhà cửa, vật liệu kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Theo đó, “Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”. Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 đồng sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào Công ty liên kết (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần góp vốn của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá trị ghi sổ ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định về kế toán hiện hành.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, Công ty đã xác định dự phòng giảm giá cần trích lập dựa trên báo cáo tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị nhận đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính của các công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất Công ty dùng để xác định dự phòng, gây ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Công ty đã trích lập. Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư vào các công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng có các khoản lỗ theo kế hoạch theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc phải cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương đóng bảo hiểm xã hội. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được căn cứ vào mức lương đóng bảo hiểm xã hội bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hối tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông; trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, và Quỹ thưởng ban điều hành. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Dự phòng nghiệp vụ

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 124/2012/TT-BTC và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành cùng ngày 30 tháng 7 năm 2012, theo đó:

Dự phòng phí: Dự phòng phí được trích lập theo phương pháp 1/24, riêng đối với sản phẩm bảo hiểm hàng hóa, Công ty sử dụng tỷ lệ tính dự phòng phí là 1/6 do các đơn bảo hiểm hàng hóa có thời hạn bình quân là 3 tháng.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo từ khách hàng, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm giữ lại đối với tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo. Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo từ khách hàng, dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên thống kê dữ liệu quá khứ.

Dự phòng dao động lớn: Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định nêu trên của Bộ Tài chính, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đơn bảo hiểm được cấp cho khách hàng đã phát sinh trách nhiệm và theo kỳ thu phí nếu thời hạn của đơn bảo hiểm kéo dài nhiều năm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty. Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các Khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bằng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TIỀN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	1.867.280.662	1.535.213.278
Tiền gửi ngân hàng	1.005.758.984.222	269.564.764.371
Tiền đang chuyển	12.000.000	1.465.148.400
Các khoản tương đương tiền (*)	765.880.000.000	414.000.000.000
	1.773.518.264.884	686.565.126.049

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có thời gian đáo hạn trong vòng 3 tháng tại các tổ chức tín dụng trong nước.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	243.445.934.805	135.590.622.326
Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (i)	63.334.494.426	278.826.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng (ii)	3.516.000.000.000	2.478.000.000.000
Hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn (iii)	547.372.089.700	100.000.000.000
Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết (iv)	142.165.750.318	339.828.183.818
Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản (v)	844.085.000.000	910.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	50.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(80.573.262.191)	(109.561.242.847)
	5.275.830.007.058	4.182.683.563.297

(i) Theo hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro liên quan đến chứng khoán. Công ty chịu rủi ro tín dụng đối với các hợp đồng này và rủi ro tín dụng được đảm bảo bằng quyền thanh lý chứng khoán.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng là tiền gửi có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm tại các tổ chức tín dụng trong nước.

(iii) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Công ty chịu rủi ro tín dụng đối với hợp đồng này và rủi ro tín dụng không được đảm bảo bằng tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (iv) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết, Công ty hợp tác với các đối tác để mua cổ niêm yết. Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty có quyền phong tỏa và quyền bán cổ phiếu để thu hồi vốn khi giá thị trường cổ phiếu suy giảm 30% so với giá tham chiếu trong Hợp đồng hợp tác đầu tư. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn. Đối với các hợp đồng quá hạn mà Công ty đánh giá khó có khả năng thu hồi, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ.
- (v) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản, Công ty hợp tác với các đối tác để đầu tư vào các dự án kinh doanh bất động sản, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty nhận thế chấp các tài sản là bất động sản đã được định giá bởi các công ty có chức năng định giá. Trong trường hợp kết thúc hợp đồng mà đối tác không thực hiện nghĩa vụ với Công ty, Công ty có toàn quyền bán tài sản thế chấp để thu hồi vốn góp. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn trong trường hợp có thỏa thuận của hai bên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số hợp đồng đã được gia hạn, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá thận trọng về khả năng tài chính của đối tác cũng như giá trị tài sản bảo đảm và tin tưởng rằng không có khoản dự phòng nào đáng kể cần trích lập.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu khách hàng	1.124.067.119.187	1.034.158.831.183
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	350.939.666.334	245.238.501.137
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	159.395.838.448	115.612.810.391
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	238.979.093.295	282.059.831.517
Phải thu về hoạt động môi giới bảo hiểm	25.257.784	-
Phải thu về hoạt động tài chính	369.869.934.400	388.409.380.959
Phải thu về hoạt động kinh doanh phi bảo hiểm	2.674.599.542	-
Các khoản phải thu khác của khách hàng	2.182.729.384	2.838.307.179
Dự phòng phải thu khó đòi	(170.837.178.370)	(45.672.081.458)
Dự phòng phải thu khó đòi phí bảo hiểm	(96.192.971.326)	(28.701.580.984)
Dự phòng phải thu khó đòi lãi ủy thác đầu tư dài hạn	(39.877.039.901)	-
Dự phòng phải thu khó đòi lãi dự thu trái phiếu	(17.796.666.669)	-
Dự phòng phải thu khó đòi khác	(16.970.500.474)	(16.970.500.474)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trả trước theo hợp đồng mua bán căn hộ	63.209.770.122	63.209.770.122
- Dự án Olalani (Đà Nẵng)	63.209.770.122	63.209.770.122
Trả trước khác	5.095.608.118	4.349.950.405
	68.305.378.240	67.559.720.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng vốn thành lập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (*)	51.000.000.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam về chuyển nhượng bệnh viện (**)	43.019.789.607	-
Tạm ứng bồi thường bảo hiểm gốc	35.473.759.635	26.786.968.842
Khác	22.620.072.680	28.987.569.558
	152.113.621.922	55.774.538.400

(*) Tạm ứng cho các chi phí trước hoạt động của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life ("PVI Sun Life"). Các khoản chi phí này sẽ được PVI Sun Life chi trả sau khi chính thức đi vào hoạt động. Hiện tại, các bên góp vốn đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý ở Việt Nam và Canada để PVI Sun Life đi vào hoạt động. Ngày 24 tháng 01 năm 2013, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép số 68 GP/KDBH cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (xem Thuyết minh số 37).

(**) Phải thu từ Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam về chuyển nhượng tài sản tại Bệnh viện theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2011/PVI-PVH ngày 01 tháng 6 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng số PL01-01/PVI-PVH ngày 22 tháng 11 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần PVI. Hạn thanh toán số tiền này là ngày 31 tháng 3 năm 2013.

10. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (90.089.890.454 đồng) chủ yếu bao gồm khoản thuế giá trị gia tăng đầu vào của công trình xây dựng trụ sở mới của Công ty (PVI Tower) tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Việc được hoàn lại/khấu trừ số thuế giá trị gia tăng này phụ thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	21.486.383.088	23.280.512.426
Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	42.569.128.777	42.495.137.020
	64.055.511.865	65.775.649.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***MẪU SỐ B 09 - DN/HN****12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	28.559.715.265	38.068.066.538	57.228.188.511	123.855.970.314
Tăng trong năm	5.659.710.100	14.555.500.004	5.027.710.958	25.242.921.062
Giảm trong năm	-	32.613.635	3.455.394.368	3.488.008.003
Tại ngày 31/12/2012	34.219.425.365	52.590.952.907	58.800.505.101	145.610.883.373
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	11.305.575.078	21.062.458.361	43.946.837.852	76.314.871.291
Trích khấu hao	1.293.073.364	6.360.998.897	7.985.658.558	15.639.730.819
Giảm trong năm	-	-	3.409.877.016	3.409.877.016
Tại ngày 31/12/2012	12.598.648.442	27.423.457.258	48.522.619.394	88.544.725.094
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	21.620.776.923	25.167.495.649	10.277.885.707	57.066.158.279
Tại ngày 31/12/2011	17.254.140.187	17.005.608.177	13.281.350.659	47.541.099.023

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	28.573.311.482	27.947.013.940	56.520.325.422
Tăng trong năm	9.792.000.000	-	9.792.000.000
Giảm trong năm	-	365.148.600	365.148.600
Tại ngày 31/12/2012	38.365.311.482	27.581.865.340	65.947.176.822
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	15.257.900.150	-	15.257.900.150
Trích khấu hao	8.181.761.202	-	8.181.761.202
Tại ngày 31/12/2012	23.439.661.352	-	23.439.661.352
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	14.925.650.130	27.581.865.340	42.507.515.470
Tại ngày 31/12/2011	13.315.411.332	27.947.013.940	41.262.425.272

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự án tòa nhà văn phòng PVI Tower tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội (*)	930.681.882.930	445.753.639.776
Dự án tòa nhà văn phòng tại Biên Hòa, Đồng Nai	-	5.645.100.100
Khác	1.205.758.000	2.864.361
	931.887.640.930	451.401.604.237

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI Tower tại phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng. Chi phí lãi vay trong năm được vốn hóa toàn bộ vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 26.033.333.334 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	138.721.893.200	162.433.335.115
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới	46.912.303.800	46.912.303.800
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa	78.894.557.965	45.894.557.965
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	-	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	30.000.000.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	102.000.000.000	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ V-CAR	20.200.000.000	10.000.000.000
Giá trị gốc của khoản đầu tư vào công ty liên kết	416.728.754.965	416.240.196.880
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ đầu tư vào công ty liên kết	(6.299.768.586)	4.767.360.791
	410.428.986.379	421.007.557.671

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (theo vốn thực góp) %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Tp. Hà Nội, Việt Nam	36,4	36,4	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới (*)	Tp. Hà Nội, Việt Nam	74,4	74,4	Phát triển truyền thông, tiếp thị đa phương tiện, tổ chức sự kiện
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa (*)	Tp. Lào Cai, Việt Nam	74,5	74,5	Dịch vụ du lịch, vận chuyển, khách sạn, ăn uống
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam (*)	Quảng Ngãi, Việt Nam	60,0	60,0	Điều hành hoạt động Bệnh viện Dầu khí Dung Quất
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	Tp. Hà Nội, Việt Nam	34,0	34,0	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Dịch vụ V-CAR (**)	Tp. Hà Nội, Việt Nam	48,2	48,2	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cứu hộ xe ô tô

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới (trước đây là Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam), Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa và Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 74,4%, 74,5% và 60%. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định không nắm giữ quyền kiểm soát ở các công ty này trong dài hạn. Do đó, Công ty đã phân loại lại các khoản đầu tư này là “Đầu tư vào công ty liên kết” thay vì “Đầu tư vào công ty con”. Việc áp dụng các phương pháp kế toán thích hợp với cách phân loại các khoản đầu tư này phụ thuộc vào việc thực hiện kế hoạch thoái vốn của Công ty trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Ngày 17 tháng 8 năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 21/NQ-PVI trong đó thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới. Hiện tại, thủ tục giải thể Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới chưa hoàn tất nên Công ty chưa phân loại khoản đầu tư này sang ngắn hạn.

(**) Công ty Cổ phần Dịch vụ V-CAR được đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo hiểm Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Thông tin tài chính tóm tắt về đầu tư vào công ty liên kết của Công ty như sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu năm	421.007.557.671	249.116.194.200
Biến động đầu tư vào các công ty liên kết trong năm	488.558.085	167.124.002.680
Phần (lỗ)/lợi nhuận từ công ty liên kết	(6.447.964.304)	4.767.360.791
Ảnh hưởng từ việc thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	(4.619.165.073)	-
Số dư cuối năm	410.428.986.379	421.007.557.671

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cổ phiếu (*)	428.289.987.630	453.509.599.026
Trái phiếu (**)	360.000.000.000	458.000.000.000
Ủy thác đầu tư (***)	196.392.231.326	233.582.300.000
	984.682.218.956	1.145.091.899.026

(*) Là góp vốn cổ phần vào các công ty với thời hạn nắm giữ trên 1 năm.

(**) Trái phiếu bao gồm Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu doanh nghiệp, có thời gian đáo hạn từ trên 1 năm đến 7 năm, lãi suất danh nghĩa từ 9,4% đến 17,9%/năm.

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm một khoản trái phiếu doanh nghiệp với giá trị là 200 tỷ đồng, thời hạn thanh toán là tháng 10 năm 2013. Lãi dự thu phải thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 35.593.333.336 (đến ngày 31 tháng 12 năm 2011: 35.593.333.336 đồng). Công ty đã dừng ghi nhận lãi dự thu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, đồng thời tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã trích lập dự phòng cho số lãi phải thu quá hạn trên một năm nêu trên trong khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" với số tiền 17.796.666.669 đồng (Thuyết minh số 7), và trích dự phòng cho gốc trái phiếu dựa trên sự suy giảm của giá trị tài sản đảm bảo với số tiền là 10,6 tỷ đồng.

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm một khoản trái phiếu với giá trị là 60 tỷ đồng đã quá hạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2012. Do số phải thu khoản gốc của trái phiếu này chưa quá hạn 6 tháng và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá là có khả năng thu hồi nên tin tưởng rằng việc không trích lập phòng phải thu khó đòi cho khoản gốc trái phiếu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp với tình hình thực tế và quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

(***) Là số dư ủy thác cho vay có chỉ định mục đích sử dụng qua các ngân hàng thương mại. Theo hợp đồng ủy thác cho vay, Công ty được hưởng lãi suất thả nổi và chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản ủy thác cho vay này đã quá hạn trả một phần gốc và lãi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng cho số nợ gốc và lãi quá hạn với tổng số tiền là 159.877.039.901 đồng (trong đó dự phòng cho gốc quá hạn là 120.000.000.000 đồng được trình bày tại Thuyết minh số 17 và dự phòng cho lãi quá hạn là 39.877.039.901 đồng được trình bày trong tại Thuyết minh số 7) trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất về khả năng trả nợ của đối tác và tin tưởng rằng đối tác sẽ thực hiện được cam kết trả nợ của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

17. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự phòng ủy thác đầu tư dài hạn	(120.000.000.000)	(65.777.247.706)
Dự phòng khác	(56.353.068.338)	(56.676.624.576)
	(176.353.068.338)	(122.453.872.282)

18. CHI TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Từ ngày 01/01	135.345.435.486	164.081.910.726
Tăng	12.587.284.834	3.555.595.804
Phân bổ vào chi phí trong năm	(33.245.206.578)	(32.292.071.044)
Tại ngày 31/12	114.687.513.742	135.345.435.486

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	142.733.475.711	146.959.350.050
Phải trả hoàn phí bảo hiểm	11.895.512.405	19.086.945.135
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	46.608.868.379	40.791.367.596
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	756.433.032.443	614.506.058.454
Các khoản phải trả khác cho người bán	150.485.238.941	124.194.154.870
	1.108.156.127.879	945.537.876.105

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	Phát sinh trong năm		Đơn vị: VND 31/12/2012
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.449.431.516	325.992.279.828	315.824.405.512	12.617.305.832
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.635.104.194	163.536.525.583	150.275.302.370	46.896.327.407
Thuế môn bài	-	42.800.000	42.800.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	7.922.302.833	33.739.992.530	32.964.847.925	8.697.447.438
	44.006.838.543	523.311.597.941	499.107.355.807	68.211.080.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	1.095.807.489.680	142.415.165.558
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	50.021.250.002
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	38.399.229.371	45.227.388.888
Phải trả khác	31.822.715.672	23.021.918.912
	1.166.029.434.723	260.685.723.360

(*) Bao gồm (i) vốn và lãi ủy thác phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 1847/HĐ-DKVN ngày 12 tháng 3 năm 2012 là 850 tỷ đồng, thời hạn ủy thác dưới 12 tháng, lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần và tính theo lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Hợp đồng ủy thác đầu tư hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Công ty đang làm việc với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản phải trả; (ii) cổ tức; và (iii) các khoản phải trả khác.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự phòng phí	929.629.476.258	871.955.163.527
Dự phòng bồi thường	718.323.426.065	437.815.784.062
Dự phòng dao động lớn	109.854.910.131	73.799.912.459
	1.757.807.812.454	1.383.570.860.048

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Ngày 21 tháng 8 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 500.000.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm 8 kỳ bắt đầu từ ngày 21 tháng 02 năm 2014 đến ngày 21 tháng 8 năm 2017. Khoản vay chịu lãi suất cố định trong 6 tháng đầu là 14,2%/năm sau đó được điều chỉnh hàng quý, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 3,5%/năm và được trả hàng tháng.

Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay tòa nhà văn phòng PVI Tower tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 14).

Khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	-
Trong năm thứ hai	125.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	375.000.000.000
Sau năm năm	-
	500.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	2.129.471.520.000	2.974.771.778.198	(124.322.427.350)	(3.470.275.408)	179.211.820.775	51.638.058.907	254.048.490.805	5.461.348.965.927
Vốn góp (a)	212.947.150.000	347.849.170.725	-	-	-	-	-	560.796.320.725
Mua cổ phiếu quỹ trong năm (b)	-	-	(13.896.923.265)	-	-	-	-	(13.896.923.265)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	389.049.061.130	389.049.061.130
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (c)	-	-	-	-	-	17.481.707.562	(17.481.707.562)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (d)	-	-	-	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Chi khác	-	(630.000.000)	-	-	-	-	-	(630.000.000)
Cổ tức phải trả (d)	-	-	-	-	-	-	(307.764.378.000)	(307.764.378.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	3.470.275.408	-	-	-	3.470.275.408
Điều chỉnh theo biên bản của Kiểm toán	-	-	-	-	-	-	7.025.072.501	7.025.072.501
Nhà nước (e)	-	-	-	-	-	-	-	-
Khác	-	1.071.565.097	-	-	-	-	2.807.917.241	3.879.482.338
Tại ngày 31/12/2012	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(138.219.350.615)	-	179.211.820.775	69.119.766.469	307.684.456.115	6.083.277.876.764

(a) Tổng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2012. Theo đó, Công ty đã phát hành 21.294.715 cổ phần (tương đương 9,09% vốn điều lệ sau khi tăng) cho HDI Gerling Industrie Versicherung AG, thu được số tiền tương ứng với vốn điều lệ tăng thêm là 212.947.150.000 đồng và thặng dư vốn cổ phần tăng thêm là 347.849.170.725 đồng.

(b) Trong năm, Công ty đã mua lại 639.800 cổ phiếu để làm quỹ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

(c) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định nêu trên.

(d) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chia cổ tức cho cổ đông (8% đạt 2 năm 2011 và tạm ứng 7% đạt 1 năm 2012) được thực hiện không quá số tối đa được trích theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2012. Việc phân phối lợi nhuận còn lại của năm 2012 thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và sẽ quyết định trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

(e) Điều chỉnh theo Công văn của Kiểm toán Nhà nước số 250/KTNV-TH ngày 10 tháng 10 năm 2012 về Kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Vốn góp tại ngày 31/12/2012	Tỷ lệ	Vốn góp tại ngày 31/12/2011	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	831.497.400.000	35,50%	831.497.400.000	39,05%
HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (Thuộc tập đoàn Talanx)	745.315.030.000	31,82%	532.367.880.000	25,00%
Công ty Funderburk Lighthouse Limited	271.178.410.000	11,58%	220.925.000.000	10,37%
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	145.932.430.000	6,23%	162.500.430.000	7,63%
Cổ đông khác	348.495.400.000	14,88%	382.180.810.000	17,95%
	2.342.418.670.000	100%	2.129.471.520.000	100%

Cổ phần

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	212.947.152
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	212.947.152
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	212.947.152
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	212.947.152
Số lượng cổ phiếu được mua lại	7.770.900	7.131.100
Cổ phiếu phổ thông	7.770.900	7.131.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	226.470.967	205.816.052
Cổ phiếu phổ thông	226.470.967	205.816.052

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá: 10.000đồng/cổ phiếu.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu phí bảo hiểm gốc	4.658.979.488.362	4.241.055.565.014
Thu phí nhận tái bảo hiểm	613.212.751.480	458.471.062.388
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	253.307.040.953	187.836.205.283
Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	28.151.386.322	11.187.855.661
Doanh thu kinh doanh phi bảo hiểm	43.019.789.607	-
	5.596.670.456.724	4.898.550.688.346

26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tăng dự phòng phí	47.864.109.288	15.855.839.647
Hoàn phí bảo hiểm	136.311.389.095	128.767.980.951
Các khoản giảm trừ khác	5.804.141.644	2.783.802.027
	189.979.640.027	147.407.622.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Phí nhượng tái bảo hiểm	2.941.555.616.095	2.477.918.984.337
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	1.128.447.176.752	934.811.139.762
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	136.594.757.220	118.036.642.103
Các khoản giảm trừ:	(591.580.139.246)	(342.315.241.185)
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(584.551.759.201)	(335.807.220.583)
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	(1.654.979.415)	(39.160.600)
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	(5.373.400.630)	(6.468.860.002)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	(30.089.845.888)	(57.017.903.718)
Tăng dự phòng bồi thường	283.082.170.919	174.709.933.176
Số trích dự phòng dao động lớn trong kỳ	65.829.757.040	62.786.107.563
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	217.445.800.264	218.012.645.355
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	53.254.914.034	63.124.414.340
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	120.703.767.991	113.646.864.835
- Chi khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm	43.487.118.239	41.241.366.180
Giá vốn dịch vụ kinh doanh phi bảo hiểm	43.019.789.607	-
	4.194.305.082.763	3.586.942.307.393

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	494.094.346.771	363.039.929.189
Lãi đầu tư trái phiếu	29.051.982.052	62.445.380.516
Lãi kinh doanh cổ phiếu	6.402.646.204	5.505.863.959
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	44.672.212.958	25.777.069.443
Cổ tức, lợi nhuận được chia	313.859.832	20.588.452.937
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.515.792.090	29.644.907.691
Doanh thu từ hoạt động mua và cam kết bán lại	38.159.576.402	55.739.065.227
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-	190.374.703.314
Doanh thu hoạt động tài chính khác	166.134.227.163	96.627.584.833
	789.344.643.472	849.742.957.109

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	10.013.855.688	1.928.890.465
Chi phí hoạt động kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá	6.397.222.222	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.611.850.553	53.462.700.692
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	76.187.699.748	180.703.755.753
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	176.800.000.000
Chi phí tài chính khác	107.923.450.199	167.283.371.061
	216.134.078.410	580.178.717.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	549.462.203.844	467.997.784.250
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(13.850.240.890)	(36.409.604.844)
- Lãi thuần từ công ty liên kết (*)	-	(11.053.791.117)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(11.770.487.031)	(25.355.813.727)
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	(2.079.753.859)	-
Cộng:	106.040.607.900	49.894.017.115
- Điều chỉnh cổ tức, lợi nhuận được chia	11.456.627.199	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	4.989.296.957	-
- Lỗ thuần đầu tư vào công ty liên kết (*)	1.555.050.926	-
- Thù lao Hội đồng Quản trị	199.000.000	167.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1.6 tỷ đồng	354.210.173	250.755.708
- Thuế nộp bổ sung theo biên bản kiểm tra thuế	304.086.733	542.132.328
- Chi phí giao dịch không được khấu trừ	79.593.757.756	48.874.129.079
- Chi phí không được khấu trừ khác	7.588.578.156	60.000.000
Thu nhập chịu thuế	641.652.570.854	481.482.196.521
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	160.413.142.714	120.370.549.130

(*) Đây là các khoản lãi/lỗ trong Công ty liên kết phát sinh khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các nghiệp vụ này làm phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại; tuy nhiên, số phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không trọng yếu nên Công ty không ghi nhận.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	389.049.061.130	347.627.235.120
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	Cổ phiếu	214.549.110	168.226.651
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	1.813	2.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Trong Báo cáo kiểm toán ngày 12 tháng 3 năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước về việc quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn"), Kiểm toán Nhà nước đã tạm xác định số lãi chậm nộp của số tiền thu từ cổ phần hoá trong năm 2007 mà Công ty phải nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tập đoàn là 134.402.904.325 đồng.

Tuy nhiên, do văn bản quy định của Nhà nước tại thời điểm Công ty hoàn tất quá trình cổ phần hoá (Quyết định số 76/2003/QĐ-BTC về Quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước) không quy định lãi suất tham chiếu để tính lãi chậm nộp và Tập đoàn cũng đã xác định số lãi chậm nộp mà Công ty phải trả là 44.294.438.126 đồng theo Nghị quyết số 872/NQ-DKVN ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn trước ngày hiệu lực (ngày 06 tháng 3 năm 2008) của Quyết định số 09/2008/QĐ-BTC về Quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước, công ty mẹ (thay thế Quyết định số 76/2003/QĐ-BTC) và số tiền 44.294.438.126 đồng tiền lãi chậm trả này đã được Công ty nộp trả Tập đoàn vào tháng 6 năm 2008.

Hiện tại, Công ty đang tiếp tục làm việc với Tập đoàn, Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước về khoản chênh lệch lãi chậm nộp với số tiền 90.108.466.199 đồng (134.402.904.325 đồng - 44.294.438.126 đồng). Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa ghi nhận khoản công nợ 90.108.466.199 đồng nêu trên.

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có một số cam kết trọng yếu như sau:

- Hợp đồng xây dựng văn phòng tại Phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với tổng giá trị tạm tính tương đương với 54.954.000USD. Giá trị đã phát sinh liên quan đến hợp đồng này đạt khoảng 80% giá trị hợp đồng.
- Hợp đồng cam kết mua các căn hộ tại khu du lịch Olalani tại đường Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng với số tiền tương đương 5.058.460 USD. Giá trị đã phát sinh liên quan đến hợp đồng này đạt khoảng 60% giá trị hợp đồng.
- Ngày 15 tháng 6 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 15/NQ-PVI về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ PVI Sun Life, vốn điều lệ 1.000.000.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 510.000.000.000 đồng tương ứng 51% và Sun Life Assurance Company of Canada góp 490.000.000.000 đồng tương ứng 49%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã chuyển vào tài khoản đồng sở hữu để chi trả cho các chi phí trước hoạt động của PVI Sun Life với số tiền là 51 tỷ đồng (xem Thuyết minh số 9). Ngoài ra, tại ngày 17 tháng 01 năm 2013, Công ty đã góp đủ số vốn 510 tỷ đồng và đang làm thủ tục quyết toán để thu hồi số tiền tạm ứng chi phí trước hoạt động của PVI Sun Life.
- Ngày 28 tháng 11 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 24/NQ-PVI về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI ("PVI Asset Management- PVI AM") với vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 42.000.000.000 đồng tương ứng với 21% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hoá lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hoá số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trình bày tại Thuyết minh số 23 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012
	VND
Các khoản vay	500.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.773.518.264.884
Nợ thuần	-
Vốn chủ sở hữu	6.083.277.876.764
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.773.518.264.884	686.565.126.049
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.105.343.562.739	1.044.261.288.125
Đầu tư ngắn hạn	5.275.830.007.058	4.182.683.563.297
Đầu tư dài hạn	808.329.150.618	1.024.231.762.239
Tài sản tài chính khác	46.960.529.475	45.286.817.460
Tổng cộng	9.009.981.514.774	6.983.028.557.170
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.274.242.313.809	1.206.236.599.465
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	729.438.054.505	440.474.050.057
Vay và nợ dài hạn	500.000.000.000	-
Công nợ tài chính khác	-	31.306.632
Tổng cộng	3.503.680.368.314	1.646.741.956.154

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên ngoại tệ	Ký hiệu	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
		31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Đô la Mỹ	USD	888.039.342.884	663.776.952.864	654.951.525.972	681.904.807.877
Won Hàn Quốc	KRW	40.889.913.444	12.246.372.662	11.509.112.144	320.979.282
Euro	EUR	26.153.855.770	9.490.110.642	8.537.652.821	1.841.977.998
Ringít Malaysia	MYR	2.819.552.576	7.635.580.729	3.888.612.833	4.728.744.382
Rúp Nga	RUB	315.830.423	-	3.902.540.862	3.464.093.916
Khác		6.025.543.615	1.121.843.667	2.661.199.262	1.269.077.892

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm 23.308.781.691 đồng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 không thay đổi (do chi phí lãi vay trong năm được vốn hoá toàn bộ vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang), đồng thời khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ tăng/giảm khoảng 10 tỷ đồng (2011: 0 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Nếu giá cổ phiếu đầu tư giảm 10% trong khi tất cả các chỉ số khác không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 5,7 tỷ đồng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản uỷ thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 16.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích của quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.777.680.603.164	-	-	1.777.680.603.164
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.105.343.562.739	-	-	1.105.343.562.739
Đầu tư ngắn hạn	5.610.234.613.008	-	-	5.610.234.613.008
Đầu tư dài hạn	388.255.498.773	448.754.679.618	10.000.000.000	847.010.178.391
Tài sản tài chính khác	42.528.328.777	4.386.400.698	-	46.914.729.475
Tổng cộng	8.924.042.606.461	453.141.080.316	10.000.000.000	9.387.183.686.777
31/12/2012				
Phải trả người bán và phải trả khác	2.274.242.313.810	-	-	2.274.242.313.810
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	729.438.054.505	-	-	729.438.054.505
Vay và nợ dài hạn	71.000.000.000	595.209.027.778	-	666.209.027.778
Tổng cộng	3.074.680.368.315	595.209.027.778	-	3.669.889.396.093
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2011				
Tiền và các khoản tương đương tiền	686.565.126.049	-	-	686.565.126.049
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.044.261.288.125	-	-	1.044.261.288.125
Đầu tư ngắn hạn	4.182.683.563.297	-	-	4.182.683.563.297
Đầu tư dài hạn	93.600.000.000	562.943.304.137	367.688.458.102	1.024.231.762.239
Tài sản tài chính khác	42.495.137.020	2.791.680.440	-	45.286.817.460
Tổng cộng	6.049.605.114.491	565.734.984.577	367.688.458.102	6.983.028.557.170
31/12/2011				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.206.236.599.465	-	-	1.206.236.599.465
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	440.474.050.057	-	-	440.474.050.057
Công nợ tài chính khác	31.306.632	-	-	31.306.632
Tổng cộng	1.646.741.956.154	-	-	1.646.741.956.154

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Cổ tức phải trả	124.724.610.000	124.724.610.000
Cổ tức đã trả	124.724.610.000	43.114.680.000
Nhận ủy thác quản lý vốn	850.000.000.000	840.000.000.000
Trả gốc ủy thác quản lý vốn	-	840.000.000.000
Trả lãi ủy thác quản lý vốn	73.761.111.112	109.713.333.335
Chi phí quản lý	4.350.354.276	1.247.460.582
Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	24.000.000.000
Nhận chuyển nhượng tài sản tại Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	43.019.789.607	-
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2		
(Điều chỉnh)/Cổ tức được chia	(2.782.080.000)	2.782.080.000
Ủy thác đầu tư	100.000.000.000	150.000.000.000
Thu hồi gốc ủy thác đầu tư	134.000.000.000	125.000.000.000
Thu nhập từ lãi ủy thác đầu tư	10.911.627.780	23.482.624.998
Doanh thu/(điều chỉnh doanh thu) từ việc cho thuê văn phòng	(217.567.350)	1.133.914.350
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt		
Ủy thác đầu tư	432.372.089.700	-
Thu nhập từ lãi ủy thác đầu tư	21.743.918.512	-
Doanh thu bất động sản đầu tư	-	190.374.703.314
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	176.800.000.000
Chuyển nhượng cổ phần	5.937.141.096	-
Chi phí dịch vụ	1.516.000.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam		
Doanh thu chuyển nhượng tài sản	43.019.789.607	-
Giá vốn chuyển nhượng tài sản	43.019.789.607	-
Chi phí dịch vụ	4.785.069.444	-
Thu nhập từ lãi ủy thác đầu tư	33.549.248	21.250.002
Công ty Cổ phần Thương mại Truyền thông Năng lượng mới		
Chi phí dịch vụ	21.840.000	4.415.120.989
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sapa		
Cổ tức được chia	-	440.871.626

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	138.721.893.200	162.433.335.115
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	102.000.000.000	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Truyền thông Năng lượng mới	46.912.303.800	46.912.303.800
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sapa	78.894.557.965	45.894.557.965
Công ty Cổ phần Dịch vụ V-CAR	20.200.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	-	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	30.000.000.000	25.000.000.000
Số dư gốc ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	41.000.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	432.372.089.700	-
Đầu tư ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	-	50.021.250.002
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	9.653.981.700	24.305.531.826
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	22.047.118.512	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	43.019.789.607	-
Các khoản phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.095.807.489.680	142.415.165.558
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	50.021.250.002
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	38.399.229.371	45.227.388.888

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các công ty con được hưởng trong năm là 19.781.516.306 đồng (năm 2011 là: 7.429.154.334 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

36. BỘ PHẬN KINH DOANH

Công ty đã thực hiện tái cấu trúc, tuy nhiên, hoạt động chủ yếu vẫn là kinh doanh bảo hiểm và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động bảo hiểm, hoạt động đầu tư này là một khâu trong chu kỳ kinh doanh bảo hiểm. Các khoản đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh khác là không đáng kể. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Công ty.

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 24 tháng 01 năm 2013, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép số 68 GP/KDBH cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

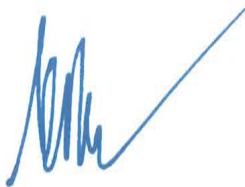
Một số số liệu của kỳ báo cáo được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán:

	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sau phân loại lại</u>
	VND	VND	VND
Dự phòng phải trả dài hạn	-	2.246.091.550	2.246.091.550
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	2.246.091.550	(2.246.091.550)	-



Nguyễn Vương Huỳnh
Người lập biểu
Ngày 06 tháng 02 năm 2013



Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Trụ sở chính: Số 154 Nguyễn Thái Học - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3734 2299 * Fax: (84-4) 3734 2929
Email: contact@pvi.com.vn * Website: www.pvi.com.vn